

Số: 57/KH-PTNTTY

Thanh Yên, ngày 27 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2026 - 2027

*** CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 26/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 và Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 và Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;

Căn cứ Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 833/SGDĐT-GDTH ngày 13/4/2022 và Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày

18/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 và Công văn số 652/SGDĐT-GDTH ngày 22/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về tổ chức hoạt động giáo dục STEM cấp Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT ngày 18/7/2025 về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 12/2026/TT-BGDĐT ngày 4/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 4/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá học sinh tiểu học;

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 và Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học và Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 về tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số;

Căn cứ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”;

Căn cứ Kế hoạch số 5275/KH-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về triển khai thực hiện Đề án đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học và Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 3008/SGDĐT-GDMNPT ngày 13/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về triển khai Kế hoạch số 5275/KH-UBND;

Căn cứ Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch số 5726/KH-UBND ngày 03/7/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026–2030;

Quyết định số 1819/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, áp dụng từ năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Kế hoạch số 3735/KH-SGDĐT ngày 20/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026–2027;

Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông;¹

Căn cứ Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027;²

Căn cứ Công văn số 3819/SGDĐT-GDMNPT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026–2027.

Văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT: Tiếp tục thực hiện công văn số 141/SGDĐT-GDTrH ngày 26/01/2021 về việc xây dựng, tổ chức thực hiện KHGD của nhà trường; Công văn số 2604/SGDĐT-GDTrH ngày 29/8/2025 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026; Công văn số 2540/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2025 về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông;

Thực hiện Kế hoạch số 3735/KH-SGDĐT ngày 20/8/2026 của Sở GD&ĐT, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

PHẦN THỨ I: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 xã: Thanh Yên, Noong Luống, Pa Thom, huyện Điện Biên theo Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của

¹ Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông.

² Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025; phía Bắc tiếp giáp với xã Thanh Nưa, phía Nam tiếp giáp với xã Sam Mứn, phía Đông tiếp giáp với phường Mường Thanh và xã Thanh An, phía Tây tiếp giáp với nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, có tổng diện tích tự nhiên là 13.012,5 ha; có 5 mốc quốc giới, với 33,258 km đường biên giới quốc gia tiếp giáp với nước Cộng hòa DCND Lào; dân số toàn xã có 15.697 người; gồm 40 thôn, bản (trong đó có 15 thôn, bản đặc biệt khó khăn); dân tộc chủ yếu: Thái, Kinh, Thổ, Tày, Nùng, Lào, Cống và Khơ Mú,... dân tộc thiểu số chiếm trên 60%. Đa số bà con các dân tộc trên địa bàn xã sinh sống bằng nghề Nông - Lâm - Ngư nghiệp, tốc độ phát triển kinh tế, trình độ dân trí chưa đồng đều; địa bàn rộng, diễn biến thời tiết phức tạp cũng khiến đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

Toàn xã có 04 trường công lập (01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học 01 trường THCS, 01 trường PTNT TH&THCS). Xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3, PCGDTHCS mức độ 3, giữ vững chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Năm học 2026-2027 đánh dấu bước tiếp theo trong quá trình thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh chính trị tại địa phương ngày càng ổn định và bền vững. Các thành tựu đạt được trong năm học trước đã góp phần mở ra nhiều cơ hội mới cho hoạt động giáo dục, đặc biệt trong việc nâng cao chất lượng và đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập sâu rộng.

Bên cạnh đó, chính sách phát triển giáo dục mới, hướng tới xây dựng môi trường học tập hiện đại, thân thiện, hướng nghiệp gắn liền với đổi mới căn bản toàn diện đã tạo tiền đề cho các nhà trường chủ động ứng biến, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên và chất lượng giáo dục toàn diện.

Trình độ dân trí còn chưa đồng đều, một số phụ huynh vẫn chưa thực sự quan tâm đúng mức đến việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho con em, còn phó mặc cho nhà trường, chưa phối hợp hiệu quả trong công tác giáo dục đạo đức và rèn luyện nhân cách.

Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt như bố mẹ ly hôn, mắc tệ nạn, mồ côi, khuyết tật trí tuệ, tăng động, tự kỷ tiếp tục gia tăng do tác động của các yếu tố xã hội và đời sống phát triển, đặt ra yêu cầu phải có các giải pháp phù hợp để hỗ trợ các em hòa nhập, phát triển toàn diện.

Yêu cầu về chất lượng giáo dục ngày càng cao, tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà trường về thương hiệu, uy tín để thu hút học sinh, góp phần nâng cao vị thế của địa phương trong ngành giáo dục.

II. ĐẶC ĐIỂM NHÀ TRƯỜNG

1. Đặc điểm chung

Trường Phổ thông nội trú TH&THCS Thanh Yên được thành lập theo Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 9/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên. Là trường mới thành lập, đồng thời là mô hình trường Phổ thông nội trú xã biên giới được Nhà nước đầu tư xây mới có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu

cầu dạy và học. Trường đặt ở địa điểm thôn Yên Trường, xã Thanh Yên. Toàn trường có diện tích 6,1 ha.

2. Về số lớp số học sinh

Trường có 30 lớp 1010 học sinh. Trong đó 14 lớp Tiểu học, 427 học sinh TH; 16 lớp THCS, 583 học sinh THCS. Cụ thể:

Khối	Lớp	Tổng số HS đầu năm	Nội trú	Bán trú	Dân tộc		Nữ		Nữ dân tộc		Khuyết tật	
					SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	A	35	2	33	19	54	19	54	11	58	1	2.9
	B	35	0	35	24	69	18	51	14	78	0	
	C											
	Cộng	70	2	68	43	61	37	53	25	68	1	
2	A	29	3	26	15	51.7	14	48.3	8	27.6	-	
	B	30	4	26	14	47	16	53	8	50	-	
	C	30	3	27	15	50	17	57	8	47	-	
	Cộng	89	10	79	44	49	47	53	24	51	-	
3	A	28	2	26	17	61	14	50	10	71	-	
	B	29	2	27	15	52	15	52	8	28.6	-	
	C	28	2	26	13	46	14	50	7	50	-	
	Cộng	85	6	79	45	53	43	51	25	58	-	
4	A	31	8	23	18	58	13	42	8	62	1	
	B	31	8	23	17	55	12	39	7	58	1	
	C	31	3	28	17	55	13	42	7	54		
	Cộng	93	19	74	52	56	38	41	22	58	2	
5	A	30	7	23	17	57	16	53	9	56	1	
	B	30	9	21	18	60	18	60	10	56	1	
	C	30	4	26	20	67	22	73	16	73	-	
	Cộng	90	20	70	55	61	56	62	35	63	2	
TIỂU HỌC		427	57	370	239	56	221	52	131	59	5	
6	A	38	18	20	27	71	16	42	14	88		
	B	41	16	25	28	68	20	49	14	70	-	
	C	40	17	23	25	63	18	45	13	72	1	
	D	40	15	25	26	65	19	48	14	74	1	
	Cộng	159	66	93	106	67	73	46	55	75	2	
7	A	35	15	20	25	71	18	51	12	67	-	
	B	36	13	23	25	69	17	47	11	65	1	
	C	35	14	21	26	74	16	46	10	63		
	D	36	17	19	25	69	16	44	10	63	-	
	Cộng	142	59	83	101	71	67	47	43	64	1	
8	A	40	17	23	29	73	21	53	17	43	1	3
	B	36	16	20	26	72	18	50	13	72	-	
	C	37	19	18	29	78	19	51	16	84	-	
	D	34	17	17	28	82	17	50	14	82	-	
	Cộng	147	69	78	112	76	75	51	60	80	1	
9	A	33	16	17	29	88	17	52	16	94	-	

	B	34	15	19	25	74	18	53	13	72	-	
	C	34	13	21	24	71	19	56	12	63		
	D	34	14	20	25	74	17	50	13	76	-	
	Cộng	135	58	77	103	76	71	53	54	76	-	
	THCS	583	252	331	422	72	286	49	212	74	4	
	TOÀN TRƯỜNG	1010	309	701	661	65	507	50	343	68	9	

100% số học sinh TH và THCS học 2 buổi/ngày

Số học sinh bình quân /lớp: Cấp Tiểu học 31HS/lớp; Cấp THCS 36 HS/lớp.

3. Về Đội ngũ

Năm học 2026-2027 nhà trường có tổng số CBQL-GV-NV có 70 người. Trong đó CBQL: 3 người; Giáo viên: 56 người; Nhân viên: 11 người (3 nhân viên hợp đồng). 100% CBQL, GV có trình độ chuẩn trở lên, trong đó trên chuẩn 2/70, CBQL, GV, NV được biên chế thành 6 tổ (5 tổ chuyên môn và 1 tổ Văn phòng).

Các tổ chuyên môn: Tổ Khối 1,2,4; Tổ khối 4,5; Tổ KHTN; Tổ KHXH; Tổ môn chung. Các tổ đều có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó.

Trường biên chế thêm 3 tổ Giáo dục đặc thù gồm: Tổ Văn hóa văn nghệ, TDTT, hoạt động trải nghiệm; Tổ Quản trú; Tổ Nuôi dưỡng. Các thành viên tổ đặc thù thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm. Các tổ đều có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó.

Tổ Văn phòng gồm 11 thành viên. Có 01 tổ trưởng.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: có kinh nghiệm, nhiệt tình, trách nhiệm, yêu nghề, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, có nghiệp vụ tay nghề vững vàng đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Biểu thống kê đội ngũ

[illegible]

*** Thuận lợi**

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Chất lượng đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

+ Đội ngũ đảm bảo định mức theo quy định (1,5 giáo viên/lớp cấp tiểu học; 2,1GV/lớp cấp THCS); cơ cấu bộ môn tương đối đầy đủ. Đa số giáo viên có chuyên môn vững vàng, trách nhiệm, yêu nghề, có tinh thần hợp tác và phối hợp tốt với phụ huynh, cộng đồng.

+ 100% giáo viên chủ động thực hiện phương pháp dạy học tích cực, tích hợp thiết bị công nghệ trong dạy học, tư vấn và hỗ trợ học sinh hiệu quả.

- Về đội ngũ nhân viên: Có ý thức trách nhiệm, chủ động xây dựng và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Về cán bộ quản lý: Có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiều kinh nghiệm quản trị nhà trường. Có năng lực hỗ trợ giáo viên, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện CTGDPT 2018.

*** Khó khăn**

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Phần lớn giáo viên còn hạn chế về năng lực sử dụng ngoại ngữ; một số giáo viên lớn tuổi gặp khó khăn trong ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Về nhân lực giảng dạy, theo định mức 1,5 giáo viên/lớp để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (32 tiết/tuần/lớp), nhà trường gặp nhiều khó khăn do giáo viên không chỉ giảng dạy mà còn phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT (như chủ nhiệm, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, công tác thư ký, tư vấn tâm lý học đường, giáo dục học sinh khuyết tật, ...). Điều này dẫn đến tình trạng giáo viên phải dạy vượt số tiết định mức (21 tiết/tuần), tuy nhiên đến nay vẫn chưa có quy định cụ thể về chế độ thù lao cho phần dạy tăng giờ ở cấp tiểu học, gây khó khăn trong việc bố trí nhân lực, bảo đảm chất lượng và tạo động lực cho giáo viên thực hiện nhiệm vụ.

- Về đội ngũ nhân viên: Mỗi nhân viên phụ trách một mảng công việc riêng, ít có điều kiện trao đổi chuyên môn.

- Về cán bộ quản lý: Hạn chế trong sử dụng ngoại ngữ, ảnh hưởng đến việc tiếp cận tài liệu chuyên môn, quản trị giáo dục trong xu hướng hội nhập.

4. Cơ sở vật chất, thiết bị

Cơ sở vật chất và thiết bị của nhà trường được đầu tư đồng bộ, khang trang, hiện đại, có đủ tiêu chuẩn thực hiện Chương trình GDPT 2018. Việc có hệ thống phòng học bộ môn, phòng STEM hiện đại, thiết bị công nghệ thông tin, thư viện, sân chơi, khu nội trú, bán trú sân chơi để nhà trường tổ chức giáo dục toàn diện và triển khai các hoạt động đổi mới.

Trường được xây dựng trên khuôn viên có tổng diện tích 61.000m², trong đó diện tích xây dựng khoảng 20.400m². Gồm: Khối phòng hành chính quản trị, Khối phòng học tập, Khối phòng hỗ trợ học tập, Khối phụ trợ, Khu sân chơi, thể dục thể thao, Khối phục vụ sinh hoạt và Hạ tầng kỹ thuật. Cụ thể:

TT	Danh mục CSVC	Số lượng (Phòng/	Ghi chú
----	---------------	---------------------	---------

		Khối)	
I	Khối phòng hành chính quản trị		Nhà 3 tầng
1	Phòng Ban giám hiệu	03	Có 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng với diện tích mỗi phòng 30m ²
2	Văn phòng	01	Diện tích 90m ²
	Phòng kế toán	01	Diện tích 30m ²
	Phòng các tổ chuyên môn	05	Diện tích 30m ² /Phòng
	Phòng Hội đồng	01	Diện tích 90m ²
	Phòng đoàn đội	01	Diện tích 45m ²
	Phòng y tế	01	Diện tích 45m ²
	Phòng Bảo vệ	01	Diện tích 15m ²
	Khu vệ sinh của giáo viên	03	Gồm 03 khu, mỗi khu có một phòng vệ sinh nam, một phòng vệ sinh nữ riêng biệt.
	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	01	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên có mái che với diện tích 600m ² .
II	Khối phòng học tập.		
1	Phòng học tiểu học	30	Gồm 1 khối (<i>khối Tiểu học có 14 phòng và Khối THCS có 16 phòng</i>), tổng số 30 phòng với diện tích mỗi phòng 60m ² .
2	Phòng học bộ môn	12	Cấp Tiểu học gồm 06 phòng: 01 phòng Tin học; 01 phòng Ngoại ngữ; 01 phòng âm nhạc; 01 phòng Mỹ thuật; 01 phòng Khoa học - Công nghệ. 01 phòng đa chức năng. Mỗi phòng có diện tích 60m ² . Cấp THCS gồm 06 phòng: 01 phòng Tin học; 01 phòng Ngoại ngữ; 01 phòng âm nhạc; 01 phòng Mỹ thuật; 01 phòng KHTN; 01 phòng KHXH. Mỗi phòng có diện tích 60m ² .
3	Phòng học STEM	01	Có 01 phòng với diện tích 120m ² (tại khu nhà thư viện)
III	Khối phòng hỗ trợ học tập		
1	Thư viện	01	Gồm 01 phòng thư viện với tổng diện tích 240m ² . Trong đó phòng thư viện chung có diện tích 150m ² ; Được trang bị đầy đủ sách báo, máy tính để truy cập mạng Internet.
2	Phòng Thiết bị	02	Gồm 02 phòng dành cho cấp Tiểu học và

	dạy học		cấp THCS có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	01	Có 01 phòng với diện tích 40 m ²
4	Phòng truyền thống	01	Có 01 phòng với diện tích 60m ²
5	Phòng Đội Thiếu niên	01	Có 01 phòng với diện tích 60m ²
IV	Khối phụ trợ		
1	Phòng họp	01	Phòng Hợp Hội đồng với diện tích 150m ² , được trang bị đầy đủ bàn ghế, thiết bị nghe, nhìn phục vụ họp trực tuyến.
2	Phòng các tổ chuyên môn.	05	Mỗi phòng có diện tích 30m ² (riêng phòng tổ KHTN có diện tích 60m ²).
3	Phòng Y tế trường học	01	Có diện tích 60m ² ; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, có 04 giường bệnh;
4	Nhà kho	04	Mỗi phòng 30m ² . nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường.
5	Khu để xe học sinh	05	có 05 khu để xe cho học sinh, đáp ứng đủ nhu cầu để xe của học sinh.
6	Khu vệ sinh học sinh	08	mỗi khu có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, mỗi phòng vệ sinh có 03 bệ xí, 04 bệ tiểu, 02 bồn rửa tay. Tổng cộng có 48 bệ xí, 64 bệ tiểu, 32 bồn rửa tay dành cho HS
7	Cổng, hàng rào	01	Có 3 công gồm 1 cổng chính, 2 công phụ, Khuôn viên của trường, điểm trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ, đảm bảo an toàn cho học sinh.
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao		
1	Sân chơi chung	01	Có một sân chung của nhà trường với tổng diện tích 7.400m ² , sân lát gạch bằng phẳng, để tổ chức các hoạt động của toàn trường.
2	Khu thể dục thể thao	03	Gồm 01 Nhà thi đấu đa năng có diện tích 700 m ² bố trí được 04 sân cầu lông, khu tập luyện và thi đấu Pickleball gồm 3 sân; Sân bóng đá với diện tích 4.640 m ² đảm bảo thi đấu nội dung 7 người.
VI	Khối phục vụ sinh hoạt		

1	Nhà trường có khu bếp, nhà ăn	01	Khu bếp, nhà ăn riêng biệt, có diện tích 470m ² , đáp ứng nhu cầu ăn bán trú của 400 học sinh.
2	Phòng nội trú	54	Mỗi phòng 30m ²
VII	Hạ tầng kỹ thuật.		
1	Hệ thống cấp nước sạch	01	có 01 hệ thống nước máy; 03 giếng khoan đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy.
2	Hệ thống cấp điện	01	Nhà trường có một trạm biến áp riêng bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường;
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	01	Có hệ thống phòng cháy chữa cháy hiện đại, gồm 1 nhà điều hành hệ thống bơm tự động, hệ thống trụ nước và vòi phun nước được lắp đặt ở các khối công trình, hệ thống cảnh báo, báo động tự động, có 140 bình chữa cháy lưu động được đặt ở các vị trí.
4	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	04	Có 04 đường truyền internet cáp quang tốc độ cao phục vụ các hoạt động của trường;
5	Hệ thống Camera an ninh	01	Gồm 153 camera, được lắp đặt xung quanh trường, khu vực hành lang, các phòng học, phòng bộ môn...để theo dõi, giám sát các hoạt động, đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

*** Thiết bị dạy học:**

- Nhà trường có đầy đủ thiết bị dạy học theo danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ GD&ĐT đáp ứng chương trình GDPT 2018 từ lớp 1 đến lớp 9. Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.

- Các phòng học, phòng học bộ môn đều được trang bị màn hình ti vi có thể kết nối với máy tính và kết nối mạng Wifi.

- Có 02 phòng Tin học với 80 máy tính được kết nối internet, đảm bảo giảng dạy môn tin học và tổ chức các cuộc thi.

- Có 01 phòng STEM Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đồng thời được trang bị thêm một số thiết bị hiện đại để phục vụ nhu cầu giáo dục và các hoạt động học tập:

- + 7 tivi (lắp cố định tại các phòng học, phòng bộ môn)
- + 06 máy chiếu vật thể;
- + 02 bộ tăng âm, loa đài;

- **Sân chơi, bãi tập:** Sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, vui chơi cho học sinh.

- **Thực trạng:** Hiện tại các lớp học, phòng học bộ môn chưa được trang trí. Các phòng bộ môn còn thiếu bàn ghế, phương tiện dạy học.

5. Kết quả giáo dục năm học trước

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ tuyển sinh và kết quả lưu học bạ năm học 2025–2026 cho thấy học sinh có nền tảng chất lượng giáo dục tương đối tốt, phong trào thi đua tích cực và có thể mạnh nổi bật về các hoạt động khoa học kỹ thuật, STEM, công nghệ và các cuộc thi học sinh.

Đây là nền tảng quan trọng để nhà trường tiếp tục duy trì chất lượng giáo dục đại trà, đồng thời tạo bước phát triển mới về giáo dục mũi nhọn, STEM, AI, năng lực số và các hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

6. Những thuận lợi

Trường PTNT TH&THCS Thanh Yên thuộc xã Thanh Yên, là xã biên giới, có an ninh chính trị cơ bản ổn định, có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, giao thông cơ bản thuận lợi.

Nhà trường có quy mô lớn, gồm 30 lớp với 1010 học sinh, trong đó cấp TH 14 lớp 427 học sinh, cấp THCS 16 lớp 583 HS tạo điều kiện hình thành các tổ chuyên môn theo hướng chuyên sâu và tổ chức đa dạng các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có kinh nghiệm, nhiệt tình, trách nhiệm, yêu nghề và tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. 100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên. Đây là nguồn lực quan trọng để nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2018 và triển khai các nhiệm vụ đổi mới giáo dục.

Cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, tương đối đồng bộ; có nhiều phòng học bộ môn, phòng STEM, thư viện, thiết bị dạy học, sân chơi, khu thể thao, hệ thống công nghệ thông tin và các điều kiện phục vụ học sinh. Đặc biệt, hệ thống thiết bị STEM, AI công nghệ hiện đại tạo lợi thế nổi bật để nhà trường xây dựng các hoạt động giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phát triển năng lực số cho học sinh.

7. Những khó khăn

Trường PTNT TH&THCS Thanh Yên được thành lập tháng 7/2026 trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trường học THCS Noong Luống và cấp THCS của trường TH&THCS Pa Thom. Vì vậy, nhà trường cần thời gian để thống nhất cơ cấu tổ chức, phương thức quản trị, quy chế làm việc, nền nếp chuyên môn, văn hóa tổ chức và các quy trình kiện toàn tổ chức bộ máy.

Quy mô lớn học sinh và đội ngũ đông, nhà trường phải đồng thời quản lý hai cấp học, nhiều tổ chuyên môn và hai địa điểm tổ chức hoạt động giáo dục. điều này đặt ra yêu cầu cao về quản lý học sinh, tổ chức dạy học, bố trí giáo viên, sử dụng phòng học bộ môn, thiết bị, thời khóa biểu và kiểm soát chất lượng giáo dục.

Cơ cấu giáo viên chưa đảm bảo, còn thiếu giáo viên cấp THCS như môn Công nghệ (*1 GV/30 lớp*); GDCC (*1 GV/30 lớp*);

Thiếu các vị trí việc làm công tác Giáo vụ, Quản trị, Tư vấn,... do đó phải bố trí giáo viên kiêm nhiệm.

8. Những vấn đề ưu tiên cần giải quyết

Trên cơ sở phân tích bối cảnh, thực trạng, kết quả giáo dục, năm học 2026–2027 Trường PTNT TH&THCS Thanh Yên xác định các vấn đề ưu tiên sau:

Ưu tiên 1: Ổn định tổ chức và thống nhất mô hình quản trị nhà trường: tập trung xây dựng nền nếp, quy chế làm việc, cơ chế phối hợp và văn hóa nhà trường thống nhất; bảo đảm sự liên thông trong quản lý.

Ưu tiên 2: Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông, tạo chuyển biến thực chất về chất lượng; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực học sinh; đồng thời chú trọng phân tích dữ liệu học tập để phát hiện sớm học sinh có nguy cơ chưa đạt và tổ chức hỗ trợ kịp thời. Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được, đặc biệt là tỷ lệ hoàn thành chương trình và chuyên lớp;

Ưu tiên 3: Tập trung ổn định nền nếp nội trú, bán trú, công tác nuôi dưỡng học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, khát vọng cống hiến và ý thức chấp hành pháp luật, ý chí học tập, rèn luyện, lập thân, lập nghiệp cho học sinh.

Ưu tiên 4: Thực hiện giáo dục bắt buộc theo quy định và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Quan tâm các cấp học, nhóm học sinh và địa bàn đặc thù.

Ưu tiên 5: Đổi mới quản lý giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường, đẩy mạnh chuyển đổi số; đẩy mạnh chuyển đổi số, trong đó tiếp tục triển khai học bạ số, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính. Kỹ năng khai thác thông tin, sử dụng công nghệ có trách nhiệm và khả năng thích ứng với sự phát triển nhanh của AI.

Ưu tiên 6: Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

PHẦN THỨ II: MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU CHUNG

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026–2027 theo hướng kỷ cương, chất lượng, công bằng, sáng tạo và chuyển đổi số; nhanh chóng ổn định tổ chức, thống nhất quản trị và hoạt động chuyên môn; bảo đảm hoạt động giáo dục được thực hiện liên tục.

Tiếp tục nâng cao toàn diện và thực chất chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn, chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực, năng lực số, năng lực sử dụng ngoại ngữ, tư duy khoa học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh; bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình theo yêu cầu, giảm học sinh chưa đạt yêu cầu, duy trì và nâng cao kết quả giáo dục đã đạt được trong năm học trước.

Chuyển mạnh phương thức quản lý sang quản trị nhà trường theo dữ liệu, chuẩn đầu ra và trách nhiệm giải trình; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, triển khai hiệu quả học bạ số, cơ sở dữ liệu giáo dục và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

có kiểm soát, an toàn, có trách nhiệm trong quản lý, dạy học và hỗ trợ học tập. Định hướng này phù hợp trực tiếp với yêu cầu của Sở GD&ĐT về chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị theo dữ liệu, chuẩn đầu ra và trách nhiệm giải trình.

Phát huy lợi thế về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng STEM và các điều kiện công nghệ hiện có để tạo chuyển biến rõ nét về giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, AI, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; đồng thời tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật, thể chất, trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật và văn hóa học đường thiết thực, an toàn, phù hợp với học sinh.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, thân thiện, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; quan tâm học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có nguy cơ chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, học sinh khuyết tật học hòa nhập; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Bảo đảm điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập toàn diện cho học sinh nội trú, bán trú nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và góp phần củng cố quốc phòng, an ninh vùng phen dậu của Tổ quốc.

Tăng cường giáo dục lịch sử địa phương, truyền thống cách mạng của quê hương, nhất là giai đoạn từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến thắng Điện Biên Phủ, sự kiện thành lập xã mới sau khi sáp nhập, nhằm bồi dưỡng tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc cho học sinh.

Phấn đấu xây dựng Trường Phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Yên trở thành một trường Nội trú biên giới ổn định, đoàn kết, quản trị hiện đại, chất lượng giáo dục thực chất, là nền tảng quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển nhà trường giai đoạn 2026–2031, tầm nhìn đến năm 2040.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Về quy mô, duy trì sĩ số và phổ cập giáo dục

Duy trì và nâng cao tỷ lệ huy động học sinh ra lớp; duy trì tỷ lệ chuyên cần, hạn chế tối đa học sinh bỏ học (giảm tỷ lệ học sinh bỏ học toàn tỉnh xuống dưới 0,5%; riêng cấp Tiểu học kiểm soát tối đa không để học sinh bỏ học do hoàn cảnh khó khăn).

Phấn đấu duy trì vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3.

2. Về chất lượng giáo dục và các hoạt động giáo dục

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh toàn trường phù hợp với điều kiện thực tế.

- Về kết quả học tập và rèn luyện cấp Tiểu học: Phấn đấu tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt đạt từ 35% trở lên; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 98% trở lên; 100% học sinh đạt yêu cầu về phẩm chất và năng lực.

- Kết quả học tập và rèn luyện cấp THCS: Phấn đấu tỷ lệ kết quả học tập xếp loại Tốt và Khá đạt từ 50% trở lên; kết quả rèn luyện xếp loại Tốt và Khá đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt từ 99,5% trở lên (năm học trước đạt 99,81%).

- Tổ chức hoạt động nghệ thuật, giáo dục di sản, đạo đức, kỹ năng sống; 100% cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng trường học an toàn, có đầu mối tư vấn tâm lý học đường; 100% học sinh khuyết tật đủ điều kiện được tiếp cận giáo dục hòa nhập phù hợp.

3. Về kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn Quốc gia

Thực hiện nghiêm túc công tác tự đánh giá, xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm gắn với kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Công tác nội trú, bán trú

Tăng cường công tác quản lý học sinh nội trú, bán trú; thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ như tổ chức học 02 buổi/ngày, giáo dục kỹ năng sống, vệ sinh môi trường, xây dựng nội quy nền nếp khu nội trú, quản lý giờ học buổi tối, tổ chức đời sống cho học sinh nội trú; thực hiện đúng, đủ và kịp thời chế độ, chính sách hỗ trợ cho học sinh dân tộc thiểu số.

Thực hiện đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng chăm sóc học sinh bán trú, nội trú...

Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức bếp ăn tập thể theo Công văn số 569/SGDDĐT-KHTC ngày 24/2/2026 của Sở GDĐT hướng dẫn tổ chức bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý học sinh nội trú, bán trú theo quy định. Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục học sinh. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho 100% học sinh nội trú, bán trú tại trường.

5. Các danh hiệu thi đua:

*** Tập thể:**

- Trường phấn đấu danh hiệu: “Tập thể lao động xuất sắc”.
- + 100% CBQL, GV đạt danh hiệu LĐTT.
- + 25% CBQL, GV đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở. Phấn đấu có CBQL, GV đạt danh hiệu CSTĐ cấp tỉnh.

PHẦN THỨ III: KẾ HOẠCH CHI TIẾT CẤP TIỂU HỌC

I. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả CTGDPT 2018 đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và phối hợp trong quá trình giáo dục. Tham mưu chính quyền địa phương đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể nhân dân về mục tiêu và nội dung đổi mới giáo dục.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho 100% các lớp (9 buổi/tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết, đảm bảo sức khỏe và hiệu quả học tập cho học sinh.

- Tổ chức dạy học các môn học theo quy định:

- + Tiếp tục tổ chức dạy môn Ngoại ngữ 1 và Tin học theo CTGDPT 2018.
- + Lớp 1, 2: Duy trì dạy tiếng Anh tự chọn, đảm bảo tính liên thông với chương trình tiếng Anh bắt buộc từ lớp 3.

+ Lớp 3, 4, 5: Tổ chức dạy môn tiếng Anh bắt buộc với thời lượng 140 tiết/năm học theo Kế hoạch 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024.

+ Tăng cường hoạt động thực hành tiếng Anh qua giao tiếp, kể chuyện, đọc sách, trải nghiệm, sân chơi, giao lưu tiếng Anh...

+ Dạy Tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3, 4, 5 theo CTGDPT 2018. Từ lớp 1, 2 tổ chức giáo dục công dân số và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo hướng dẫn tại Công văn 3539/BGDĐT-GDTH.

- *Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ AI trong giảng dạy:*

+ Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phần mềm, nền tảng số trong quản lý hồ sơ, sinh hoạt chuyên môn, đánh giá học sinh, học trực tuyến khi cần thiết.

+ Khuyến khích giáo viên sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá, hỗ trợ học tập cá nhân hóa.

+ Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ số an toàn, hiệu quả, có đạo đức.

- *Tăng cường triển khai giáo dục STEM/STEAM:*

Tổ chức bài học STEM, hoạt động trải nghiệm STEM, xây dựng chủ đề dạy học tích hợp liên môn, phát triển tư duy sáng tạo, khám phá khoa học. Thiết kế không gian học tập STEM trong lớp học, sân trường; khuyến khích học sinh trưng bày, chia sẻ sản phẩm sáng tạo.

- *Giáo dục kỹ năng sống và các nội dung tích hợp khác:*

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý học đường; phòng, chống bạo lực học đường; kỹ năng tự vệ, hợp tác, làm việc nhóm, thích ứng với thay đổi.

+ Giáo dục lý tưởng sống, đạo đức cách mạng, ý thức công dân, lòng yêu nước thông qua các môn học như Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm.

+ Lòng ghép giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, biên đảo Việt Nam... trong các môn học và hoạt động trải nghiệm.

- *Giáo dục hòa nhập và tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số:*

+ Đảm bảo điều kiện học tập cho học sinh khuyết tật hòa nhập; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân theo quy định.

+ Thực hiện dạy tiếng Việt trước khi vào lớp 1 theo Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023.

- *Đổi mới dạy Tập làm văn theo hướng mở:* Tăng cường đọc hiểu, mở rộng vốn từ, giao tiếp tiếng Việt qua các hoạt động thư viện xanh, thư viện góc lớp, thư viện lưu động...

- *Giáo dục địa phương:* Được thực hiện đầy đủ, phù hợp với vùng miền, thông qua Hoạt động trải nghiệm hoặc tích hợp trong các môn học.

- *Thư viện - Thiết bị dạy học:*

+ Xây dựng mô hình thư viện thân thiện, tủ sách lớp học, phát triển văn hóa đọc.

+ Khuyến khích học sinh tham gia đọc sách, sáng tác, kể chuyện, đọc hiểu.

+ Triển khai sử dụng thiết bị dạy học tự làm, tận dụng nguồn lực địa phương.

- *Hình thức tổ chức dạy học linh hoạt:*

+ Tổ chức dạy học tích hợp liên môn, trải nghiệm, câu lạc bộ, giáo dục kỹ năng sống, chuyên đề, ngoại khóa. Lòng ghép nội dung:

- + Giáo dục công dân số (Công văn 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024)
- + Giáo dục quốc phòng - an ninh (Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024)
- + Giáo dục quyền con người, phòng chống bạo lực học đường, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu
- + Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống (Quyết định 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023)
- *Môn học tự chọn:*
- Tiếp tục triển khai môn Ngoại ngữ 1 cho học sinh lớp 1, 2.
- *Hoạt động củng cố - tăng cường:*
- + Tập trung tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hoá, nghệ thuật, thể chất, kỹ năng sống, giáo dục STEM/STEAM, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hoá, lịch sử, truyền thống của địa phương; đảm bảo phân bổ đủ tiết/ngày và tuần theo kế hoạch.
- + Tổ chức linh hoạt các hoạt động học tập và giáo dục: Tự học có hướng dẫn của giáo viên; học nhóm, học trải nghiệm; sinh hoạt câu lạc bộ; ...
- *Công tác bồi dưỡng - tập huấn:*
- + 100% CBQL, giáo viên được tập huấn nâng cao CTGDPT 2018, giáo dục STEM, chuyển đổi số, kỹ năng nghề nghiệp và các nội dung tích hợp khác.
- + Hình thức bồi dưỡng đa dạng: trực tuyến, chuyên đề tại chỗ, tự học...
- *Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cụ thể theo tuần - tháng - năm:*
- Căn cứ chương trình, sách giáo khoa, đặc điểm học sinh và điều kiện địa phương để thiết kế kế hoạch dạy học linh hoạt, sát thực tiễn; tổ chức tiết học theo chủ đề, trải nghiệm, ngoại khóa, giáo dục địa phương, hoạt động kỹ năng sống, câu lạc bộ...

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Quy mô trường lớp; Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và đảm bảo công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- Duy trì 14/14 lớp với tổng số 427/427 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.
- Triển khai thực hiện đúng tiến độ Kế hoạch số 1584/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030. Phấn đấu duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Thời gian tự kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục tiểu học cấp trường hoàn thành trong tháng 10/2026; cấp xã hoàn thành trước ngày 15/11/2026; UBND tỉnh kiểm tra công nhận các xã, phường trong tháng 12/2026.
- Thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm xây dựng chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ II, trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng cộng
----------	--------	--------	--------	--------	--------	-----------

Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	47	67,1	59	66,3	57	67,1	60	64,5	57	63,3	280	65,6
	HT	23	32,9	30	33,7	28	32,9	33	35,5	33	36,7	147	34,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán	HTT	48	68,6	60	67,4	58	68,2	61	65,6	58	64,4	285	66,7
	HT	22	31,4	29	32,6	27	31,8	32	34,4	32	35,6	142	33,3
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Ngoại ngữ 1	HTT	47	67,1	59	66,3	57	67,1	60	64,5	57	63,3	280	65,6
	HT	23	32,9	30	33,7	28	32,9	33	35,5	33	36,7	147	34,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Đạo đức	HTT	49	70	62	69,7	60	70,6	65	69,9	61	67,8	297	69,6
	HT	21	30	27	30,3	25	29,4	28	30,1	29	32,2	130	30,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. TN&XH	HTT	47	67,1	59	66,3	57	67,1					163	66,8
	HT	23	32,9	30	33,7	28	32,9					81	33,2
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Nghệ thuật													
- Âm nhạc	HTT	49	70	62	69,7	60	70,6	65	69,9	61	67,8	297	69,6
	HT	21	30	27	30,3	25	29,4	28	30,1	29	32,2	130	30,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Mỹ thuật	HTT	48	68,6	60	67,4	58	68,2	61	65,6	58	64,4	285	66,7
	HT	22	31,4	29	32,6	27	31,8	32	34,4	32	35,6	142	33,3
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Tin học và Công nghệ													
- Tin học	HTT					58	68,2	61	65,6	58	64,4	177	66
	HT					27	31,8	32	34,4	32	35,6	91	34
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
- Công nghệ	HTT					57	67,1	60	64,5	57	63,3	174	64,9
	HT					28	32,9	33	35,5	33	36,7	94	35,1
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
8. GDTC	HTT	49	70	62	69,7	60	70,6	65	69,9	61	67,8	297	69,6
	HT	21	30	27	30,3	25	29,4	28	30,1	29	32,2	130	30,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. HĐTN	HTT	48	68,6	60	67,4	58	68,2	61	65,6	58	64,4	285	66,7
	HT	22	31,4	29	32,6	27	31,8	32	34,4	32	35,6	142	33,3
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Khoa học	HTT					183		61	65,6	58	64,4	119	65
	HT							32	34,4	32	35,6	64	35
	CHT							0	0	0	0	0	0
11. LS&ĐL	HTT							60	64,5	57	63,3	117	63,9
	HT							33	35,5	33	36,7	66	36,1
	CHT							0	0	0	0	0	0

b) Những phẩm chất chủ yếu:

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Khối 4						Khối 5					
Phẩm chất																														
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	62	88,6	8	11,4	0	0	79	89,8	10	11,4	0	0	75	88,2	10	11,8	0	0	82	88,2	11	11,8	0	0	80	88,9	10	11,1	0	0
2. Nhân ái	58	82,9	12	17,1	0	0	71	80,7	18	20,5	0	0	68	80	17	20	0	0	80	86	13	14	0	0	79	87,8	11	12,2	0	0
3. Chăm chỉ	46	65,7	24	34,3	0	0	64	72,7	25	28,4	0	0	60	70,6	25	29,4	0	0	60	64,5	33	35,5	0	0	57	63,3	33	36,7	0	0
4. Trung thực	59	84,3	11	15,4	0	0	75	85,2	14	15,9	0	0	68	80	17	20	0	0	80	86	13	14	0	0	79	87,8	11	12,2	0	0
5. Trách nhiệm	58	82,9	12	17,1	0	0	71	80,7	18	20,5	0	0	69	81,2	16	18,8	0	0	75	80,6	18	19,4	0	0	74	82,2	16	17,8	0	0

c) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Khối 4						Khối 5					
Năng lực cốt lõi	Mức đạt được																													
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- NL chung																														

1. Tự chủ và tự học	48	68,6	22	31,4	0	0	60	67,4	29	32,6	0	0	58	68,2	27	31,8	0	0	61	65,6	32	34,4	0	0	58	64,4	32	35,6	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	47	67,1	23	32,9	0	0	59	66,3	30	33,7	0	0	57	67,1	28	32,9	0	0	60	64,5	33	35,5	0	0	57	63,3	33	36,7	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	47	67,1	23	32,9	0	0	59	66,3	30	33,7	0	0	57	67,1	28	32,9	0	0	60	64,5	33	35,5	0	0	57	63,3	33	36,7	0	0
- NL đặc thù																														
1. Ngôn ngữ	47	67,1	23	32,9	0	0	59	66,3	30	33,7	0	0	57	67,1	28	32,9	0	0	60	64,5	33	35,5	0	0	57	63,3	33	36,7	0	0
2. Tính toán	48	68,6	22	31,4	0	0	60	67,4	29	32,6	0	0	58	68,2	27	31,8	0	0	61	65,6	32	34,4	0	0	58	64,4	32	35,6	0	0
3. Khoa học	47	67,1	23	32,9	0	0	59	66,3	30	33,7	0	0	57	67,1	28	32,9	0	0	61	65,6	32	34,4	0	0	58	64,4	32	35,6	0	0
4. Thẩm mĩ	48	68,6	22	31,4	0	0	60	67,4	29	32,6	0	0	58	68,2	27	31,8	0	0	61	65,6	32	34,4	0	0	58	64,4	32	35,6	0	0
5. Thể chất	49	70	21	30	0	0	62	69,7	27	30,3	0	0	60	70,6	25	29,4	0	0	65	69,9	28	30,1	0	0	61	67,8	29	32,2	0	0
6. Công nghệ													57	67,1	28	32,9	0	0	60	64,5	33	35,5	0	0	57	63,3	33	36,7	0	0
8. Tin học													58	68,2	27	31,8	0	0	61	65,6	32	34,4	0	0	58	64,4	32	35,6	0	0

+ Kết quả giáo dục cuối năm học

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	70	14	20	28	40	28	40	0	0,0	
2	89	18	20,2	35	39,3	36	40,5	0	0,0	
3	85	18	21,2	35	41,2	32	37,6	0	0,0	

4	93	20	21,5	43	46,2	30	32,3	0	0,0	
5	90	19	21,1	38	42,2	33	36,7	0	0,0	
Tổng	427	89	20,8	179	41,9	159	37,2	0	0,0	

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Hoàn thành chương trình lớp học: 337/337, tỷ lệ 100% (Gồm 03 học sinh khuyết tật học hòa nhập).
- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 90/90, tỷ lệ 100% (gồm 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

e) Các hoạt động khác:

- 100% các lớp có học sinh tham gia đầy đủ và tích cực các cuộc thi, hội thi, hoạt động giao lưu học thuật, văn hóa, thể thao, trải nghiệm sáng tạo theo kế hoạch của nhà trường và các cấp ngành phát động.
- 100% học sinh thực hiện nghiêm túc nề nếp học đường: thể dục giữa giờ, vệ sinh cá nhân và môi trường, hát Quốc ca - Đội ca đầu tuần, sinh hoạt tập thể và mặc đồng phục đúng quy định, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.
- 100% các lớp được trang trí lớp học theo hướng mở, thân thiện, phù hợp với chủ điểm từng tháng và phong trào thi đua do nhà trường phát động.
- Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia các câu lạc bộ sở thích, các sân chơi trí tuệ, các cuộc thi sáng tạo trẻ, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực cá nhân.
- 100% cán bộ, giáo viên, học sinh tích cực hưởng ứng các hoạt động thiện nguyện, quyên góp ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thiên tai, dịch bệnh theo khả năng và tinh thần tự nguyện.
- Tổ chức hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo theo hướng giáo dục toàn diện, gắn với thực tiễn như: thăm hỏi gia đình chính sách, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tham quan các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh địa phương (tối thiểu 2 lần/năm học).
- Lồng ghép hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng sống, chuyển đổi số, công nghệ AI, giáo dục đạo đức - lý tưởng cách mạng, ứng phó biến đổi khí hậu, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý học đường... thông qua các tiết học chính khóa, hoạt động giáo dục, hoạt động ngoài giờ và sinh hoạt dưới cờ.

g) Các cuộc thi, giao lưu

Khuyến khích tất cả học sinh tham gia các cuộc thi: Toán qua mạng, Tiếng Anh qua mạng, Trạng nguyên TV
Vẽ tranh theo các chủ đề chủ điểm được Bộ GD&ĐT phát động trong năm học.

Thi báo ảnh, báo tường chào mừng các ngày lễ lớn. Thi văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam. Thi Giai điệu tuổi hồng cấp trường.

g) Khen thưởng cuối năm học

Khối	TSHS Được đánh giá	TSHS được khen thưởng		Học sinh xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu HTT	
		<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>
1	70	34	48,6	14	20	20	28,6
2	89	45	50,6	18	20,2	27	30,3
3	85	42	49,4	18	21,2	24	28,2
4	93	47	50,5	20	21,5	27	29
5	90	45	50	19	21,1	26	28,9
Tổng	427	213	49,9	89	20,8	124	29

III. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

- Thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT; xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục. - Sách giáo khoa, sách hướng dẫn học các môn học: Số lượng sách quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh khối lớp 1,2,3,4,5 (theo văn bản thông báo Danh mục SGK sử dụng cho năm học 2025-2026 của nhà trường).

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
III. Hoạt động củng cố, tăng cường																
1	Câu lạc bộ ...	70	36	34	70	36	34	35	18	17						
2	Củng cố KT Toán, ...															
3	HĐTN ngoài giờ															
TỔNG CỘNG																
Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)		958	560	452	967	498	469	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)		28			28			31			32			32		
Số tiết tự chọn/tuần		2			2			0			0			0		
Số tiết củng cố, tăng cường/tuần		2			2			1								
Số tiết/tuần		32			32			32			32			32		
Số buổi dạy/ tuần		9			9			9			9			9		
Tổng số tiết/ năm học		1.120			1.120			1.120			1.120			1.120		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	- Khai giảng năm học mới; - - Giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	BGH; TPTĐ	GVCN, GVBM, Ban ĐDCMHS.
	Xây dựng văn hoá học đường	- Phát động phong trào thi đua “Trường học hạnh phúc”	Theo lớp, theo khối	GVCN, TPTĐ	BGH, GVBM

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
		- Triển khai nội quy, quy tắc ứng xử, an toàn trường học.			
Tháng 10	Gắn kết yêu thương	Tổ chức Tết Trung Thu	Tập trung toàn trường; Hoạt động theo khối lớp	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM phường; Nhân viên nhà trường
		Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
		Giao lưu văn nghệ, vẽ tranh, làm thiệp chúc mừng ngày 20/10.	Tập trung toàn trường; theo khối lớp	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Tôn trọng đạo	- Kỉ niệm ngày 20/11; - Hội diễn văn nghệ; - Tri ân thầy cô.	Tập trung toàn trường	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS
Tháng 12	HĐTN Uống nước nhớ nguồn	- Tổ chức cho học sinh tham đi thăm đơn vị bộ đội, trải nghiệm “Một ngày làm chiến sỹ”	Tập trung toàn trường	BGH, GV, TPTĐ	Ban ĐDCMHS
		- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. - Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
Tháng 1	Mùa xuân yêu thương	- Hoạt động STEM	Tập trung toàn trường	Giáo viên toàn trường	BGH, Ban ĐDCMHS
		Tổ chức các HĐTN tại lớp: Vui đọc cùng em,...	Tại lớp học	Giáo viên chủ nhiệm.	BGH, GVBM

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
		- Thăm hỏi các gia đình chính sách; - Chăm sóc nhà bia tưởng niệm các anh hùng LS tại phường.	Tập trung một số học sinh đại diện các lớp	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	Đoàn TNCSHCM phường Ban ĐDCMHS
Tháng 2	An toàn - Kỷ cương	- Sinh hoạt về phòng tránh tai nạn thương tích; - Trò chơi dân gian chào xuân; - Phát động “Tháng an toàn giao thông”.	Theo lớp, theo khối	TPTĐ, GVCN	Công an phường , Trạm Y tế phường.
		- Tổ chức Chợ xuân - Trao quà tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường	BGH; TPTĐ GV,NV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các nhà hảo tâm...
Tháng 3	Em yêu mái trường	- Làm thiệp chúc mừng 8/3 - Thiết kế poster/clip tuyên truyền về vệ sinh trường lớp - Giờ ra chơi trải nghiệm	Tập trung toàn trường; theo lớp, theo nhóm	TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	Tự hào lịch sử dân tộc	- Thi tìm hiểu lịch sử, truyền thống địa phương; - Thi kể chuyện lịch sử; - Hoạt động “Em làm hướng dẫn viên nhí”.	Theo khối, lớp	PHT, TPTĐ, GVCN	GVBM
Tháng 5	Bác Hồ với thiếu nhi	Tham quan di tích lịch sử Điện Biên Phủ: Thắp hương tại Đền thờ liệt sỹ A1; Viếng Nghĩa trang Liệt sỹ A1...	Tập trung	CBGVNV, HS khối lớp 3, 4, 5	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể phường.
		Nghe kể chuyện về Bác Hồ	Tập trung toàn trường	TPTĐ	CBGVNV toàn trường
		- Ngày hội STEM - Trưng bày sản phẩm STEM; - Tổng kết năm học.	Tập trung toàn trường	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS, đại diện chính quyền phường.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ sở thích, năng khiếu.	- Sinh hoạt câu lạc bộ (Mỹ thuật, Âm nhạc, Bóng đá, Dân vũ, Pickleball, Bóng bàn, Cầu lông, STEM,...) - Câu lạc bộ theo khối/lớp hoặc tự nguyện đăng ký	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/ tháng (Từ 16 giờ 10 phút đến 17 giờ).	Sân trường, lớp, phòng chức năng	Có kế hoạch cụ thể, phân công giáo viên phụ trách.
2	Vui chơi - thể chất - thư giãn, HĐ sân trường	- Trò chơi dân gian - Hát múa, thể dục sân trường	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Các ngày trong tuần (Từ 8h00-8h15)	Sân trường	GVCN phối hợp GV bộ môn hỗ trợ theo dõi
3	Hoạt động trải nghiệm - Kỹ năng sống	- GDKNS: kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp - Vẽ tranh, đọc sách, nghe kể chuyện	Học sinh bán trú	Trước hoặc sau bữa ăn trưa (11h00-13h00)	Lớp, thư viện, nhà ăn	Tổ chức nhẹ nhàng, linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế
4	Giáo dục nền nếp, hành vi văn hóa	- Nhắc nhở nền nếp, vệ sinh, giao tiếp - Trình chiếu tranh ảnh, video tuyên truyền	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	2 lần/tháng hoặc lồng ghép trong sinh hoạt lớp	Lớp học, sân trường	GVCN chủ trì, kết hợp với TPTĐ và GVBM hỗ trợ

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

Tổ chức đầy đủ các môn học và hoạt động giáo dục; dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực và hỗ trợ học sinh.

Lựa chọn, tích hợp thiết thực, phù hợp các nội dung giáo dục về quyền con người; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bình đẳng giới, chăm sóc mắt và chống mù lòa; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; giáo dục an toàn giao thông và các nội dung giáo dục tích hợp khác. Hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số.

Kế hoạch giáo dục nhà trường phải bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức thực hiện mang tính hình thức. Tổ chức đầy đủ các môn học và hoạt động giáo dục; dạy học 2 buổi/ngày phù hợp điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực và hỗ trợ học sinh.

Buổi	Tiểu học (Thời gian mỗi tiết 35')
Buổi sáng	<i>Từ 7h10 thực hiện các công việc đầu giờ đến khi vào tiết 1</i>
	Tiết 1: 7h25 - 8h00 (<i>ngỉ 15 phút</i>)
	<i>Tổ chức hoạt động sân trường (từ 8h00 - 8h15)</i>
	Tiết 2: 8h15 - 8h50 (<i>ngỉ 10 phút</i>)
	Tiết 3: 9h00 - 9h35 (<i>ngỉ 10 phút</i>)
	Tiết 4: 9h45 - 10h20
Buổi chiều	Tiết 1: 14h00 - 14h35 (<i>ngỉ 10 phút</i>)
	Tiết 2: 14h45 – 15h20 (<i>ngỉ 10 phút</i>)
	Tiết 3: 15h30 – 16h05
	<i>Tổ chức hoạt động khác (nếu có) kết thúc trước 17h00</i>

*** Quy định thời gian hoạt động:**

	Tiểu học <i>(Thời gian mỗi tiết 35')</i>	THCS <i>(Thời gian mỗi tiết 45')</i>
Buổi sáng	<i>Từ 7h00 thực hiện các công việc đầu giờ đến khi vào tiết 1</i>	
	Tiết 1: 7h25 - 8h00 (nghỉ 15 phút)	Tiết 1: 7h15 – 8h 00 (nghỉ 15 phút)
	<i>Tổ chức hoạt động sân trường (từ 8h00 -8h15)</i>	
	Tiết 2: 8h15 - 8h 50 (nghỉ 10 phút)	Tiết 2: 8h15 – 9h00 (nghỉ 5 phút)
	Tiết 3: 9h 00 - 9h35: (nghỉ 10 phút)	Tiết 3: 9h 05 - 9h50 (nghỉ 5 phút)
	Tiết 4: 9h 45 – 10h 20	Tiết 4: 9h 55 – 10h 40
Buổi chiều	Tiết 1: 14h 00 -14h35 (nghỉ 10 phút)	Tiết 1: 14h 00 -14h45 (nghỉ 5 phút)
	Tiết 2: 14h45–15h 20 (nghỉ 10 phút)	Tiết 2: 14h50–15h 35 (nghỉ 5 phút)
	Tiết 3: 15h30–16h 05.	Tiết 3: 15h40–16h 25
	<i>Tổ chức hoạt động khác (nếu có) kết thúc trước 17h00</i>	

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2026 - 2027 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, áp dụng từ năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Ngày tựu trường:

+ Lớp 1: Từ thứ Hai, ngày 03/8/2026.

+ Lớp 2, 3, 4, 5: Từ thứ Hai, ngày 24/8/2026

- Ngày khai giảng: 05/9/2026
- Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2026 đến ngày 17/01/2027 (gồm 18 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Học kỳ II: Từ ngày 21/01/2026 đến ngày 24/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Ngày kết thúc năm học: 31/5/2027
- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: Trước ngày 30/6/2027
- Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2027–2028: Trước ngày 31/7/2027

Căn cứ hướng dẫn nhiệm vụ năm học cấp tiểu học 2026 - 2027, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn cấp huyện và cụm trường; đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tế về thời gian trong năm học và kế hoạch giáo dục của nhà trường, Trường PTNT TH&THCS Thanh Yên sẽ cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chương trình năm học 2026 - 2027 phù hợp, hiệu quả.

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12	1	10	1	7		7		7		
2	Toán	3	1	5	1	5	1	5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	Tự nhiên và Xã hội	2		2		2						
6	Khoa học							2		2		
7	Lịch sử và Địa lí							2		2		
8	Nghệ thuật											
	- Âm nhạc	1		1		1		1		1		
	- Mỹ thuật	1		1		1		1		1		
9	GDTC	2		2		2		2		2		
10	Hoạt động trải nghiệm	3		3		3		3		3		
11	Tiếng Anh		2		2	4		4		4		

*** Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

4.1. Đối với khối lớp 1:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 – 2026 của khối lớp 1.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 1)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1.

- Đối với khối lớp 1 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức dạy học dạy học học 2 buổi/ ngày; mỗi tiết học 35 phút thực hiện 9 buổi/tuần = 32 tiết/tuần.

- Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, thực hiện dạy tự chọn môn Tiếng Anh 2 tiết/tuần; Tăng cường củng cố kiến thức 2 tiết/tuần. Khi kết thúc thực hiện dạy Giáo dục địa phương 1 tiết/tuần sẽ thay thế cho 01 tiết tăng cường củng cố kiến thức theo kế hoạch.

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

(Kèm theo khung thời gian thực hiện chương trình)

- Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức trực tuyến tại lớp học với điểm cầu chính là phòng Hội đồng hoặc sân trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

4.2. Đối với khối lớp 2:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 – 2026 của khối lớp 2.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 2)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2.

Đối với khối lớp 2 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức dạy học dạy học học 2 buổi/ngày; mỗi tiết học 35 phút thực hiện 9 buổi/tuần = 32 tiết / 1 tuần

Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, thực hiện dạy tự chọn môn Tiếng Anh 2 tiết/tuần; Tăng cường củng cố kiến thức 2 tiết/tuần. Khi kết thúc thực hiện dạy Giáo dục địa phương 1 tiết/tuần sẽ thay thế cho 01 tiết tăng cường củng cố kiến thức theo kế hoạch.

Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

(Kèm theo khung thời gian thực hiện chương trình)

- Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức trực tuyến tại lớp học với điểm cầu chính là phòng Hội đồng.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

4.3. Đối với khối lớp 3:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 – 2026 của khối lớp 3.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 3)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3.

- Đối với khối lớp 3 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.; tổ chức dạy học dạy học học 2 buổi/ ngày; mỗi tiết học 35 phút; thực hiện 9 buổi/tuần= 32 tiết/tuần

- Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, thực hiện dạy tăng cường thêm bồi dưỡng rèn kỹ năng 1 tiết/tuần; Khi kết thúc thực hiện dạy Giáo dục địa phương 1 tiết/tuần sẽ thay thế cho 01 tiết tăng cường củng cố kiến thức theo kế hoạch.

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

(Kèm theo khung thời gian thực hiện chương trình)

- Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức trực tuyến tại lớp học với điểm cầu chính là phòng Hội đồng.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

4.4. Đối với khối lớp 4:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 – 2026 của khối lớp 4.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4.

- Đối với khối lớp 4 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.; tổ chức dạy học dạy học học 2 buổi/ ngày; mỗi tiết học 35 phút; thực hiện 9 buổi/tuần= 32 tiết/tuần.

- Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc; Khi kết thúc thực hiện dạy Giáo dục địa phương 1 tiết/tuần sẽ thay thế cho 01 tiết tăng cường củng cố kiến thức theo kế hoạch.

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

(Kèm theo khung thời gian thực hiện chương trình)

- Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức trực tuyến tại lớp học với điểm cầu chính là phòng Hội đồng.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

4.5. Đối với khối lớp 5:

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025 – 2026 của khối lớp 5.

(Kèm theo Phụ lục 1.4 của khối lớp 5)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5.

- Đối với khối lớp 5 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.; tổ chức dạy học dạy học học 2 buổi/ ngày; mỗi tiết học 35 phút; thực hiện 9 buổi/tuần= 32 tiết/tuần.

- Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc; Khi kết thúc thực hiện dạy Giáo dục địa phương 1 tiết/tuần sẽ thay thế cho 01 tiết tăng cường củng cố kiến thức theo kế hoạch.

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

(Kèm theo khung thời gian thực hiện chương trình)

- Các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể tổ chức trực tuyến tại lớp học với điểm cầu chính là phòng Hội đồng.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với cấp trên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ thực hiện CTGDPT 2018, ưu tiên cho phòng Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học & Công nghệ và các phòng chức năng.

- Kiểm tra, bảo trì thường xuyên và sử dụng hiệu quả thiết bị, phòng học hiện có; tiếp tục khai thác 4 tivi thông minh đã được trang bị tại các phòng chức năng.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa, huy động nguồn lực hỗ trợ tăng cường thiết bị dạy học, sách, tài liệu cho thư viện, duy trì thư viện đạt chuẩn mức độ 2.

- Tận dụng tối đa cơ sở vật chất để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, kết hợp dạy học văn hóa với hoạt động trải nghiệm, giáo dục thể chất, kỹ năng sống, đạo đức, lý tưởng cách mạng, an toàn giao thông, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống bạo lực học đường và tư vấn tâm lý học đường.

b) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Nâng cao chất lượng các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc, văn hóa đọc trong nhà trường; bố trí 01 nhân viên thư viện đứng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả tiết đọc thư viện 1 tiết/tuần, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thư viện, phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng. Xây dựng mô hình thư viện thân thiện trường tiểu học, sử dụng ứng dụng “Vui đọc cùng em” phù hợp với thực tế của địa phương. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GDĐT nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả của thư viện trong nhà trường; thực hiện tốt việc lưu trữ sách giáo khoa, vận động quyên góp ủng hộ SGK cũ cho HS có hoàn cảnh khó khăn mượn sử dụng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và

năng lực học sinh. Xây dựng chương trình phối hợp giữa Thư viện tỉnh và UBND cấp xã trong việc phối hợp tổ chức các hoạt động Thư viện giai đoạn 2025-2030

2. Thực hiện công tác bố trí, sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ

- Rà soát, bố trí, sử dụng giáo viên hợp lý, có đủ giáo viên dạy các môn học theo quy định, bảo đảm giáo dục toàn diện học sinh, triển khai thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% học sinh tiểu học.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cốt cán có năng lực chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Phân công giáo viên cốt cán, giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 hỗ trợ, kèm cặp giáo viên có năng lực còn hạn chế, nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy, bảo đảm đúng định hướng chương trình mới.

- Cử giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục; học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học theo lộ trình tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu triển khai CTGDPT 2018. Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng thực tế của giáo viên để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp, linh hoạt (tự học, học tập trực tuyến, qua sinh hoạt chuyên môn, ...).

- Tăng cường tổ chức giao lưu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhà trường trong và ngoài huyện, đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn liên trường, cụm trường. Đặc biệt chú trọng tổ chức các chuyên đề tích hợp, liên môn, giáo dục kỹ năng sống, đạo đức – lối sống, lý tưởng cách mạng, ứng phó biến đổi khí hậu, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường và tư vấn tâm lý học đường.

- Tổ chức các tiết dạy minh họa, chuyên đề chuyên sâu theo nhu cầu thực tế. Sinh hoạt chuyên môn được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT. Nội dung sinh hoạt tập trung nghiên cứu sâu CTGDPT 2018, đổi mới nội dung - hình thức, chú trọng dự giờ, nghiên cứu bài học, khai thác công nghệ số, công nghệ AI hỗ trợ dạy học nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn; Thi GV dạy giỏi, tổng phụ trách đội, đánh giá CBQL, GV

3.1 Thực hiện quy chế chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học phù hợp với CTGDPT 2018, đảm bảo tính kế thừa, linh hoạt và hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần, hàng tháng nhằm đồng hành, hỗ trợ thường xuyên cho giáo viên trong quá trình thực hiện CTGDPT 2018; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (NCBH) tại tất cả các tổ chuyên môn.

- Xây dựng nội dung chuyên đề đa dạng, thiết thực, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên.

- Tổ chức các đợt tập huấn chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường theo hình thức kết hợp giữa NCBH và chuyên đề; tổ chức hội thảo, tọa đàm nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình giảng dạy.

- Soạn thảo đầy đủ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu đổi mới của CTGDPT 2018.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tích hợp nội dung chuyển đổi số, khai thác hiệu quả thiết bị số trong sinh hoạt chuyên môn như sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, AI hỗ trợ thiết kế bài dạy, phân tích dữ liệu học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực đội ngũ.

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu các nội dung mới, nội dung khó, các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong quá trình triển khai CTGDPT 2018, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

3.2 Thi giáo viên dạy giỏi, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh giỏi

Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của các cấp.

3.3 Đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên

Đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường tiểu học thực hiện theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học. Đánh giá xếp loại giáo viên tiểu học thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và các quy định hiện hành.

Thực hiện đổi mới công tác quản lý đánh giá xếp loại cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục, tạo sự đồng thuận và lan tỏa trong cộng đồng về các chủ trương đổi mới giáo dục tiểu học; xây dựng kế hoạch truyền thông hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và truyền thông địa phương để kịp thời cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận, tạo dựng niềm tin xã hội đối với sự nghiệp giáo dục.

- Chủ động tuyên truyền, tư vấn, đối thoại và chia sẻ với phụ huynh học sinh về nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới, các phương pháp dạy học tích cực, đánh giá năng lực học sinh; đồng thời tiếp nhận và xử lý kịp thời những phản hồi để tạo dựng mối quan hệ gắn kết, cùng đồng hành trong giáo dục trẻ.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của gia đình và xã hội trong việc bảo vệ trẻ em, xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện và lành mạnh.

- Phối hợp triển khai giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt đội, lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục; tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa, thể thao, văn nghệ, góp phần hình thành nhân cách, bồi dưỡng tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò của chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục; khuyến khích phụ huynh và cộng đồng phối hợp cùng nhà trường tạo điều kiện tiếp cận và sử dụng các công cụ học tập hiện đại, nền tảng số phục vụ đổi mới phương pháp dạy học và quản lý giáo dục.

- Tăng cường phối hợp tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tư vấn tâm lý học đường cho học sinh và phụ huynh nhằm kịp thời hỗ trợ, định hướng giải quyết các khó khăn về tâm lý, học tập, mối quan hệ xã hội của học sinh.

- Khuyến khích đội ngũ cán bộ, giáo viên tích cực viết và chia sẻ các tin bài về hoạt động chuyên môn, điển hình tiên tiến, sáng kiến kinh nghiệm, đổi mới sáng tạo trong giảng dạy lên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội chính thống nhằm lan tỏa những giá trị tích cực và tạo hiệu ứng truyền cảm hứng trong cộng đồng giáo dục.

5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục an toàn giao thông.

- Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống, giáo dục địa phương, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống.

- Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục: đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng, quốc phòng - an ninh, pháp luật, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình, HIV/AIDS; giáo dục sức khỏe, y tế học đường, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh.

- Tăng cường giáo dục về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước, giáo dục an toàn giao thông.

- Chú trọng giáo dục chuyển đổi số, công nghệ số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) ở mức độ phù hợp, giúp học sinh hình thành năng lực công dân số, biết sử dụng công nghệ một cách an toàn, có trách nhiệm.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống: tham quan di tích lịch sử, viếng nghĩa trang liệt sĩ, chăm sóc gia đình chính sách, tuyên truyền chủ quyền biên giới - biển đảo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phát động các phong trào: “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng bà”, “Thắp sáng ước mơ”, các hoạt động về nguồn, kỷ niệm các ngày lễ lớn nhằm giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu, trò chơi dân gian, hát dân ca, trải nghiệm làm nghề truyền thống, trải nghiệm STEM... Giao Tổng phụ trách Đội phối hợp với các tổ chuyên môn phân công, hướng dẫn cụ thể cho từng khối lớp triển khai phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế.

- Kết hợp với chuyên viên tư vấn học đường, giáo viên chủ nhiệm và gia đình trong việc hỗ trợ, tư vấn tâm lý, tháo gỡ khó khăn, định hướng cảm xúc và hành vi tích cực cho học sinh.

- Triển khai sử dụng Bộ tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2020 của Bộ GDĐT để giáo dục tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục an toàn giao thông vào quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục trong trường tiểu học.

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú, y tế học đường

- Triển khai thực hiện theo công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 5/8/2025 về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học

2025-2026. Duy trì tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần).

Nội dung và hình thức dạy học:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. - Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

- Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và điều kiện thực tiễn của nhà trường để bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh, đảm bảo thực hiện đủ số tiết các môn học theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; chú trọng đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: tự học có hướng dẫn của giáo viên, học tập theo nhóm, học trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ,... Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa; tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm trực tuyến hoặc trực tiếp cho phù hợp.

- Trong các buổi học, nhà trường tích hợp linh hoạt các nội dung giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng, tư vấn tâm lý học đường, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số. Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ sở thích phù hợp từng độ tuổi, giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất toàn diện.

- Tăng cường công tác quản lý học sinh nội trú, bán trú; thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ như tổ chức học 02 buổi/ngày, giáo dục kỹ năng sống, vệ sinh môi trường, xây dựng nội quy nề nếp khu nội trú, quản lý giờ học buổi tối, tổ chức đời sống cho học sinh nội trú; thực hiện đúng, đủ và kịp thời chế độ, chính sách hỗ trợ cho học sinh dân tộc thiểu số.

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng chăm sóc học sinh bán trú, nội trú...

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức bếp ăn tập thể theo Công văn số 569/SGDĐT-KHTC ngày 24/2/2026 của Sở GDĐT hướng dẫn tổ chức bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý học sinh nội trú, bán trú theo quy định. Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục học sinh. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho 100% học sinh nội trú, bán trú tại trường.

- Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo văn bản hướng dẫn của các cấp; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú. Lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

- Thực hiện theo dõi sức khỏe học sinh theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ GDĐT - Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học.

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật

- Thực hiện chương trình giáo dục tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời điều chỉnh linh hoạt về nội dung, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu cụ thể của từng học sinh khuyết tật, căn cứ vào sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN).

- Giáo viên dạy hòa nhập phối hợp với tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn xây dựng, thực hiện và đánh giá KHGDCN cho học sinh khuyết tật; theo dõi sự tiến bộ, hỗ trợ kịp thời để giúp các em phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học hoặc nội dung, hoạt động giáo dục mà học sinh không thể đáp ứng được như: Tiếng Anh, Thể dục, Âm nhạc, Tin học,... theo đúng hướng dẫn chuyên môn.

- Giáo viên dạy hòa nhập cần có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương và tôn trọng quyền của người khuyết tật, chủ động học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn về giáo dục học sinh khuyết tật.

- Học sinh khuyết tật và giáo viên trực tiếp giảng dạy các lớp có học sinh khuyết tật được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Thực hiện dạy Tăng cường tiếng Việt cho HS dân tộc trước khi vào lớp 1 theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định kinh phí hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Dạy học tăng cường tiếng Việt 1 tiết/tuần trong năm học cho học sinh cho học sinh lớp 1, 2, 3.

- Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số được thực hiện thông qua các môn học và hoạt động giáo dục, kết hợp lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, lý tưởng đạo đức cách mạng, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tư vấn tâm lý học đường phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.

- Đặc biệt, chú trọng hướng dẫn học sinh lớp 1 làm quen với nề nếp học tập, sử dụng ký hiệu dạy học, rèn kỹ năng sử dụng bút, thước, bảng con, sách vở, tư thế ngồi viết đúng và kỹ năng giao tiếp cơ bản. Đồng thời, đẩy mạnh rèn luyện kỹ năng nghe, nói (phát âm chuẩn), đọc, viết chính tả cho học sinh khối lớp 1, 2, 3.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển năng lực môn Tiếng Việt, đặc biệt là dạy học tập làm văn, mở rộng vốn từ, xây dựng hệ thống từ vựng (cây từ vựng), phát triển kỹ năng đọc hiểu gắn với các tình huống thực tiễn và tăng cường kỹ năng giao tiếp ứng xử. Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong học tập tiếng Việt phù hợp với trình độ học sinh.

- Linh hoạt áp dụng các phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng Đọc - Viết - Nghe - Nói cho học sinh dân tộc thiểu số, đồng thời tích hợp nội dung chuyển đổi số và công nghệ AI vào hoạt động dạy học một cách phù hợp theo định hướng của CTGDPT 2018.

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động giao lưu tiếng Việt như: Ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, diễn đạt cảm xúc, thi hùng biện; đồng thời duy trì, phát huy hiệu quả các mô hình thư viện như thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhằm tăng cường môi trường sử dụng tiếng Việt cho học sinh.

9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

- Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên cần chủ động xây dựng kế hoạch cá nhân hóa việc giảng dạy, chú trọng phát triển năng lực cho học sinh có tố chất nổi bật và tăng cường hỗ trợ học sinh còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng. Mỗi tiết học cần có chiến lược linh hoạt trong việc giao nhiệm vụ học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các lớp, câu lạc bộ phát triển năng khiếu cá nhân như: múa, hát, vẽ, thể thao, bơi, đọc sách... tùy theo điều kiện thực tế tại trường. Đồng thời tạo điều kiện để các em có cơ hội thể hiện bản thân trong các hoạt động văn hóa - thể thao cấp trường, cấp phường và cấp tỉnh.

- Tăng cường tổ chức phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn ngay trong các tiết học chính khóa thông qua dạy học phân hóa, cá thể hóa; đồng thời tổ chức phụ đạo ngoài giờ (trong tiết học tăng cường hoặc hoạt động ngoài giờ chính khóa) đối với học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có nguy cơ hỏng kiến thức. Việc phụ đạo cần đảm bảo thiết thực, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh.

- Chủ động phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc kèm cặp, động viên con em học tập tại nhà.

- BGH nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng học kỳ; tổ chuyên môn có trách nhiệm phân tích chất lượng đầu năm, giữa kỳ và cuối kỳ để phân loại, phân công giáo viên phụ trách từng nhóm đối tượng học sinh.

- Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn chịu trách nhiệm theo dõi sát tình hình học tập của học sinh trong lớp, báo cáo định kỳ kết quả bồi dưỡng và phụ đạo với BGH để có sự chỉ đạo kịp thời.

- Hoạt động bồi dưỡng năng khiếu và phụ đạo học sinh cần gắn với định hướng đổi mới giáo dục theo CTGDPT 2018: phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đồng thời tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, chuyển đổi số, giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm sáng tạo.

10. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT; thực hiện đánh giá học sinh

phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng, tuyệt đối không để học sinh ngồi nhầm lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp đánh giá thường xuyên, Các tổ khối chuyên môn, nhà trường xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo chương trình GDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo quy định của Bộ GD&ĐT Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGD&ĐT ngày 07/10/2022 của Bộ GD&ĐT. Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá như hai môn học độc lập theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ.

11. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục giai đoạn 2025-2030, bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT.

- Đầu tư, rà soát và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học số: kết nối cáp quang Internet ổn định đến các lớp học; thay thế, nâng cấp máy tính cũ (Windows XP) lên các hệ điều hành phù hợp như Windows 7, 10; cài đặt phần mềm Microsoft Office từ bản 2010 trở lên và phần mềm diệt virus có bản quyền cho các máy tính sử dụng lưu trữ dữ liệu quan trọng, máy kết nối mạng.

- Tập huấn kỹ năng chuyển đổi số cho giáo viên: tổ chức các lớp bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng thiết bị, phần mềm giảng dạy và quản lý như VNedu, OLM, LMS, EQMS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm cân bằng dinh dưỡng, phần mềm học trực tuyến...

- 100% cán bộ, giáo viên sử dụng hiệu quả các nền tảng số như “Trường học kết nối”, “Hành trang số”, hệ thống học liệu điện tử dùng chung và hệ thống LMS để thiết kế bài giảng, trao đổi chuyên môn, lưu trữ và chia sẻ học liệu.

- Khuyến khích giáo viên tích hợp CNTT vào dạy học các môn học, thiết kế bài giảng E-learning, khai thác công nghệ thực tế ảo (AR/VR), AI để dạy học trải nghiệm, tạo video bài giảng, số hóa tiết dạy, sự kiện nhà trường, hoạt động trải nghiệm, hoạt động câu lạc bộ, hoạt động Đội - Sao Nhi đồng.

- Duy trì phương án dạy học trực tuyến linh hoạt đối với các tình huống thiên tai, dịch bệnh, học sinh không thể học trực tiếp; chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, tài khoản học tập trực tuyến và hệ thống bài giảng dự phòng.

- Thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ, văn bản chuyên môn trên hệ thống phần mềm quản lý trường học (VNedu, eDoc...), thực hiện ký số văn bản, quản lý dữ liệu đồng bộ trên môi trường số theo chỉ đạo từ Bộ, Sở và các phòng ban chuyên môn.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở tiểu học

- Lồng ghép giáo dục kỹ năng công dân số vào dạy học môn Tin học và các hoạt động giáo dục phù hợp theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT: giúp học sinh tiểu học biết sử dụng Internet an toàn, tôn trọng bản quyền, có kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân, biết ứng xử có văn hóa trên môi trường mạng.

- Giáo viên chủ động lồng ghép giáo dục công dân số vào các môn học, hoạt động giáo dục, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, trải nghiệm sáng tạo... theo cách phù hợp với độ tuổi và nhận thức của học sinh tiểu học.

c) Triển khai học bạ điện tử (học bạ số)

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương triển khai Học bạ số theo Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT cho phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này.

- 100% giáo viên được tập huấn, hướng dẫn sử dụng học bạ số, thực hiện nhập liệu đúng, đủ, cập nhật thông tin đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh đảm bảo đúng quy trình.

- BGH nhà trường, tổ chuyên môn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện học bạ số, đảm bảo tính chính xác, bảo mật và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ cho đánh giá học sinh và chỉ đạo chuyên môn.

12. Triển khai áp dụng hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong dạy học

- Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục STEM/STEAM trong việc phát triển năng lực toàn diện cho học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên về tổ chức, quản lý, xây dựng và thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục STEM/STEAM theo định hướng của Chương trình GDPT 2018. Khuyến khích giáo viên tự học, tham khảo tài liệu chuyên sâu và học liệu từ các kênh chính thống như website: <http://stemtieuhoc.edu.vn>.

- Tăng cường tích hợp các hoạt động giáo dục STEM/STEAM vào các môn học (đặc biệt là Khoa học, Tin học, Toán) và hoạt động trải nghiệm nhằm phát huy tính liên môn, tạo điều kiện cho học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức giáo dục STEM, bao gồm: bài học STEM, hoạt động trải nghiệm STEM, dự án nghiên cứu khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị hiện có của nhà trường. Ưu tiên tổ chức các hoạt động đơn giản, dễ thực hiện, tận dụng nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.

- Khuyến khích giáo viên xây dựng các bài học STEM theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, chú trọng rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề. Trong mỗi bài học, cần có phần mở rộng để học sinh được thực hành, sáng tạo, và kết nối với thực tiễn cuộc sống.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh - cộng đồng để huy động nguồn lực tổ chức các hoạt động giáo dục STEM phù hợp với bối cảnh vùng miền, tạo cơ hội cho học sinh được tham gia, trải nghiệm thực tế.

- Phân công trách nhiệm thực hiện rõ ràng:

+ *Ban giám hiệu*: chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện giáo dục STEM trong toàn trường;

+ *Tổ chuyên môn*: triển khai chuyên đề, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn định kỳ để chia sẻ kinh nghiệm xây dựng, thực hiện các bài học/hoạt động STEM;

+ *Giáo viên*: chủ động nghiên cứu, thiết kế bài học, tổ chức các hoạt động giáo dục STEM phù hợp với đặc điểm học sinh, môn học và điều kiện nhà trường.

- Mục tiêu cuối cùng là triển khai hiệu quả hoạt động giáo dục STEM/STEAM, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực học sinh, thực hiện thành công CTGDPT 2018 cấp tiểu học.

13. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án ứng phó thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương. Lập kế hoạch bảo trì các công trình theo quy định; không đưa vào sử dụng các công trình đã hết niên hạn không đảm bảo an toàn chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

14. Tăng cường thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục, huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục

Thực hiện đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập. TRà soát và lập tờ trình UBND cấp xã đầu tư kinh phí cho việc mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học, SGK đáp ứng việc thực hiện Chương trình GDPT 2018, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2025-2026. Xây dựng, cải tạo thư viện trường học đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018; xây dựng thư viện lớp học, thư viện xanh, thư viện di động phù hợp với điều kiện thực tế. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực được huy động để chuyển hóa thành chất lượng giáo dục của nhà trường; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định; đảm bảo sự tham gia của các lực lượng xã hội như cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội,... giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

15. Phát động các phong trào thi đua và đẩy mạnh công tác truyền thông

Tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, gắn với phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" của ngành giáo dục. Xây dựng kế hoạch và tổ chức truyền thông về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và Đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị

quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Quốc hội, Chương trình GDPT 2018 của Bộ GDĐT dưới nhiều hình thức, đa dạng, hiệu quả. Nêu gương các cơ sở giáo dục điển hình thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tốt Quy chế dân chủ, bộ Quy tắc ứng xử trong trường học.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành.

Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến từng cán bộ, giáo viên, người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

Tăng cường truyền thông về các hoạt động nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục tiêu học cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018.

Chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của nhà trường, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

PHẦN THỨ IV: KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHI TIẾT CẤP THCS

I. MỤC TIÊU

1. Về quy mô, huy động học sinh, duy trì sĩ số và phổ cập giáo dục

- Duy trì ổn định quy mô học sinh theo kế hoạch được giao; huy động 100% trẻ em trong độ tuổi thuộc địa bàn được phân công ra lớp theo quy định.
- Duy trì sĩ số, tỷ lệ chuyên cần; không để học sinh bỏ học vì hoàn cảnh kinh tế, điều kiện gia đình hoặc những nguyên nhân có thể can thiệp được; phát hiện sớm học sinh có nguy cơ nghỉ học dài ngày để có biện pháp hỗ trợ.
- Quản lý, cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu học sinh; phối hợp với gia đình và các lực lượng liên quan trong thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn việc học.
- Tiếp tục duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS; phấn đấu duy trì phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 theo mục tiêu của tỉnh.

2. Về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Chương trình GDPT 2018 đối với cấp THCS; bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt của chương trình, không cắt xén nội dung, thời lượng, không tổ chức thực hiện mang tính hình thức.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và điều kiện thực tế của hai cơ sở; bảo đảm tính linh hoạt nhưng thống nhất về mục tiêu, chuẩn đầu ra và chất lượng.
- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo điều kiện thực tế phù hợp với lộ trình và khả năng đáp ứng của nhà trường.
- Tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực

tiền; khai thác hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng STEM, thiết bị dạy học và học liệu số.

3. Về chất lượng giáo dục

Tạo chuyên biến thực chất, bền vững về chất lượng giáo dục, bảo đảm học sinh được phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, kiến thức, kỹ năng, thể chất và năng lực số theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, đồng thời phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng lực; thực hiện hiệu quả phân hóa, cá thể hóa và hỗ trợ học sinh còn hạn chế. Đổi mới dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực và vì sự tiến bộ của học sinh; sử dụng dữ liệu đánh giá làm căn cứ điều chỉnh hoạt động dạy học và quản trị chất lượng. Chú trọng nâng cao chất lượng học tập và định hướng phát triển ở cấp THCS; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, không để học sinh bị bỏ lại phía sau; từng bước hình thành văn hóa chất lượng và trách nhiệm giải trình trong toàn nhà trường.

4. Về giáo dục mũi nhọn và phát triển năng lực học sinh

- Duy trì và nâng cao thành tích học sinh giỏi, các cuộc thi, sân chơi trí tuệ, khoa học kỹ thuật, STEM, Robotics và các lĩnh vực năng khiếu phù hợp.
- Phát hiện học sinh có năng lực, năng khiếu ngay từ các lớp đầu cấp; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo từng nhóm năng lực, từng môn học và từng lĩnh vực.

Phấn đấu thành tích ít nhất duy trì bằng hoặc cao hơn năm học 2025–2026, trong đó ưu tiên nâng cao chất lượng các lĩnh vực STEM, khoa học kỹ thuật, AI và Robotics.

5. Về giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, AI

- Khai thác hiệu quả phòng STEM và hệ thống thiết bị hiện đại hiện có; đưa STEM trở thành một điểm nhấn chuyên môn của nhà trường, không tổ chức theo phong trào hoặc nặng về trình diễn sản phẩm.
- Tổ chức các chủ đề/bài học STEM/STEAM gắn với môn học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và những vấn đề thực tiễn của địa phương.
- Tăng cường hình thành cho học sinh tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn.
- Phấn đấu mỗi tổ/nhóm chuyên môn có các sản phẩm hoặc hoạt động giáo dục STEM thiết thực trong năm học; ưu tiên chất lượng chuyên môn và giá trị giáo dục, không chạy theo số lượng sản phẩm.

6. Về chuyển đổi số, năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo

- Triển khai và khai thác hiệu quả Học bạ số, cơ sở dữ liệu ngành và các nền tảng số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá.
- Bảo đảm dữ liệu học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất và kết quả giáo dục được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác, thống nhất và an toàn.
- Tăng cường sử dụng dữ liệu về học tập, rèn luyện, chuyên cần và điều kiện học tập để phát hiện học sinh cần hỗ trợ, điều chỉnh phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.
- Từng bước hình thành năng lực số cho học sinh theo yêu cầu của Khung năng lực số; giáo dục học sinh sử dụng Internet, công nghệ số và AI an toàn, có trách nhiệm, trung thực, không lạm dụng và không phụ thuộc vào công nghệ.

- Khuyến khích giáo viên sử dụng AI trong thiết kế bài dạy, xây dựng học liệu, phân tích dữ liệu và hỗ trợ chuyên môn nhưng phải bảo đảm tính chính xác, kiểm soát của giáo viên và tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu.

7. Về nâng cao chất lượng đội ngũ

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo vị trí việc làm và quy định của nhà trường.

- Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ theo nhu cầu thực tế, tập trung vào: đổi mới phương pháp dạy học; kiểm tra, đánh giá; giáo dục STEM; chuyển đổi số; ứng dụng AI; giáo dục hòa nhập; tư vấn học sinh; quản trị nhà trường theo dữ liệu.

- Phát huy vai trò giáo viên cốt cán, giáo viên có năng lực về STEM, công nghệ, ngoại ngữ và các lĩnh vực chuyên môn để hỗ trợ đồng nghiệp.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn thiết thực, giảm tính hành chính, tăng nghiên cứu bài học, phân tích dữ liệu chất lượng học sinh và chia sẻ giải pháp nâng cao chất lượng.

8. Về nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa trụ sở chính và phân hiệu ngay từ đầu năm học.

Bảo đảm hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá, sinh hoạt chuyên môn và các hoạt động giáo dục được tổ chức liên tục, thống nhất.

- Thực hiện quản trị theo phương châm “06 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả.

- Tăng quyền chủ động của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và giáo viên gắn với trách nhiệm giải trình.

- Từng bước xây dựng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu, chuẩn đầu ra và kết quả thực tế của học sinh.

9. Về cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện dạy học

- Khai thác tối đa công suất và hiệu quả cơ sở vật chất hiện có tại trụ sở chính. Rà soát toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị tại phân hiệu; xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa, nâng cấp những hạng mục còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

- Từng bước thu hẹp sự chênh lệch về điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục giữa hai cơ sở chính và phân hiệu.

- Bảo đảm 100% học sinh được sử dụng sách giáo khoa, học liệu và thiết bị dạy học thiết yếu theo yêu cầu chương trình.

- Ưu tiên nguồn lực cho các hạng mục trực tiếp tác động đến chất lượng giáo dục, an toàn trường học, chuyển đổi số, STEM và hoạt động thể chất.

10. Về giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, văn hóa học đường và an toàn trường học

- 100% học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, pháp luật, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử và trách nhiệm công dân.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, không để xảy ra các vụ việc bạo lực học đường nghiêm trọng, xâm hại trẻ em hoặc mất an toàn do thiếu trách nhiệm quản lý.

- Tăng cường giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, phòng chống bạo lực học đường và an toàn trên môi trường mạng.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn tâm lý học đường; kịp thời hỗ trợ học sinh có khó khăn về tâm lý, học tập hoặc quan hệ xã hội.

11. Về giáo dục nghệ thuật, thể chất, trải nghiệm và hướng nghiệp

- 100% lớp học và học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục nghệ thuật, văn hóa, thể thao và trải nghiệm phù hợp.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thiết thực, an toàn, không hình thức; gắn với kỹ năng sống, trách nhiệm cá nhân, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp.

- Đối với học sinh THCS, chú trọng tư vấn hướng nghiệp, phân luồng; giúp học sinh nhận biết sở thích, năng lực và lựa chọn lộ trình học tập sau THCS phù hợp.

- Khai thác điều kiện sân chơi, nhà thi đấu, sân bóng và các thiết chế phù hợp để phát triển giáo dục thể chất và phong trào thể thao học sinh.

12. Công tác nội trú, bán trú

- Tăng cường công tác quản lý học sinh nội trú, bán trú; thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ như tổ chức học 02 buổi/ngày, giáo dục kỹ năng sống, vệ sinh môi trường, xây dựng nội quy nền nếp khu nội trú, quản lý giờ học buổi tối, tổ chức đời sống cho học sinh nội trú; thực hiện đúng, đủ và kịp thời chế độ, chính sách hỗ trợ cho học sinh dân tộc thiểu số.

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng chăm sóc học sinh bán trú, nội trú...

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức bếp ăn tập thể theo Công văn số 569/SGDDĐT-KHTC ngày 24/2/2026 của Sở GDĐT hướng dẫn tổ chức bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý học sinh nội trú, bán trú theo quy định. Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục học sinh. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho 100% học sinh nội trú, bán trú tại trường.

13. Về kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia

- Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm, trong đó xác định rõ nội dung, người phụ trách, thời gian và kết quả cần đạt.

- Gắn công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng với kết quả thực tế của học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất và hiệu quả quản trị.

- Chủ động rà soát các tiêu chí trường chuẩn quốc gia để duy trì và nâng cao chất lượng theo quy định.

II. CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU

Căn cứ mục tiêu năm học, quy mô, điều kiện thực tế của nhà trường và các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026–2027 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường PTNT TH&THCS Thanh Yên xác định các chỉ tiêu thực hiện cấp THCS như sau:

1. Chỉ tiêu về quy mô trường, lớp, huy động và duy trì sĩ số

- Duy trì quy mô ổn định số lớp, số học sinh, tổ chức dạy học theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Huy động 100% trẻ em trong độ tuổi thuộc địa bàn được giao ra lớp

- Duy trì tỷ lệ chuyên cần của học sinh từ 98% trở lên.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 0,5%.
- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

2. Chỉ tiêu thực hiện Chương trình GDPT 2018

- 100% lớp học thực hiện đầy đủ Chương trình GDPT 2018, bảo đảm yêu cầu cần đạt của chương trình; không cắt xén nội dung, không giảm thời lượng trái quy định.
- 100% tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và đặc điểm học sinh của nhà trường.
- 100% giáo viên thực hiện kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Tổ chức khảo sát chất lượng đầu năm, giữa kỳ/cuối kỳ và cuối năm theo kế hoạch; 100% kết quả khảo sát được phân tích, xác định nhóm học sinh cần hỗ trợ và có biện pháp điều chỉnh dạy học.
- Thực hiện 100% việc bàn giao chất lượng học sinh giữa các khối và giữa các cấp học theo yêu cầu; lập hồ sơ/báo cáo phân tích chất lượng.

3. Chất lượng giáo dục

- Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập xếp loại Tốt và Khá đạt từ 50% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện xếp loại Tốt và Khá đạt từ 95% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh được lên lớp theo quy định từ 99% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh được xét công nhận hoàn thành chương trình THCS từ 99,5% trở lên, phấn đấu đạt 100% đối với học sinh đủ điều kiện.

4. Chỉ tiêu về giáo dục mũi nhọn và phát triển năng khiếu

- Duy trì và phấn đấu tăng số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi, các cuộc thi, sân chơi trí tuệ, khoa học kỹ thuật, sáng tạo so với năm học 2025–2026.
- Có học sinh tham gia đầy đủ các kỳ thi, cuộc thi cấp phường, cấp tỉnh và các sân chơi phù hợp do ngành Giáo dục và các cấp tổ chức.

5. Chỉ tiêu về STEM, AI, Robotics và đổi mới sáng tạo

- 100% tổ chuyên môn tổ chức hoặc tham gia ít nhất 01 hoạt động STEM/giáo dục tích hợp có sản phẩm cụ thể trong năm học.
- Khai thác hiệu quả phòng STEM INOVATION tại trụ sở chính; xây dựng lịch sử dụng và quy trình khai thác thiết bị.
- Duy trì và phát triển các đội Robotics/Robocon, phấn đấu có sản phẩm tham gia các sân chơi cấp phường, cấp tỉnh và cấp quốc gia phù hợp.
- Tổ chức ít nhất 01 ngày hội/triển lãm sản phẩm STEM – AI – Robotics cấp trường trong năm học.
- Từng bước mở rộng cơ hội tiếp cận hoạt động STEM cho học sinh tại phân hiệu, bảo đảm sự công bằng về cơ hội học tập giữa hai cơ sở.

6. Chỉ tiêu về chuyển đổi số, dữ liệu và ứng dụng AI

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng các hệ thống quản lý, cơ sở dữ liệu ngành và hồ sơ điện tử theo quy định.
- 100% học sinh được cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin trên các hệ thống dữ liệu giáo dục thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà trường.
- 100% giáo viên được bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng về năng lực số, khai thác học liệu số và sử dụng công cụ AI phục vụ dạy học, kiểm tra đánh giá và công tác chuyên môn.

- Mỗi tổ chuyên môn xây dựng ít nhất 01 sản phẩm/chuyên đề ứng dụng công nghệ số hoặc AI trong dạy học.

7. Chỉ tiêu về đội ngũ

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được phân công.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; tiếp tục khuyến khích nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- 100% tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, phân tích dữ liệu học sinh và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Mỗi tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 02 chuyên đề/năm học, trong đó ưu tiên các chuyên đề về nâng cao chất lượng, kiểm tra đánh giá, chuyển đổi số, STEM, AI và hỗ trợ học sinh chưa đạt.

- 100% giáo viên được tham gia ít nhất một hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm học.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 3735/KH-SGDĐT ngày 20/8/2026 của Sở GD&ĐT, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027.

Xây dựng, tổ chức thực hiện nghiêm túc, chất lượng kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình chi tiết theo 35 tuần thực học phù hợp với điều kiện của nhà trường, đảm bảo thời gian kết thúc học kì I, kết thúc năm học theo quy định tại Quyết định số 1819/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, áp dụng từ năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Cụ thể:

- Tổ chức Khai giảng năm học mới vào ngày 05/9/2026.

- Số tuần thực học trong năm học: 35 tuần, từ ngày 7/9/2026 đến ngày 31/05/2027 (trừ thời gian nghỉ lễ tết theo quy định); trong đó:

+ Học kỳ I (có 18 tuần thực học): Bắt đầu từ ngày 07/09/2026 đến ngày 15/01/2027.

+ Học kỳ II (có 17 tuần thực học còn lại giành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 18/01/2027 đến ngày 21/05/2027.

- Có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm và kiểm tra định kỳ. Cân đối nội dung dạy học trên lớp, ngoài lớp phù hợp đối tượng học sinh theo hướng tăng cường phẩm chất và năng lực.

- Xét công nhận TNTHCS: Dự kiến trước 30/06/2027

- Kết thúc năm học: 31/05/2027

- Hoàn thành tuyển sinh lớp 6 năm học 2028-2029: trước 31/07/2027.

2. Kế hoạch dạy học các môn học

TT	Môn học và HDGD	Số tiết học từng môn của lớp 6			Số tiết học từng môn của lớp 7			Số tiết học từng Môn của lớp 8			Số tiết học từng môn của lớp 9		
		HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
2	LS và ĐL	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105

3	Ngoại ngữ	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	Toán	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
5	KHTN	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
6	GDCD	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	18	34	52	35	17	52
8	Nghệ thuật (Âm nhạc)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
9	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
10	GDTC	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
11	Tin học	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
12	HĐTN- HN	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
13	GDĐP	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
14	GD Trí tuệ ân tạo (AI)	6	6	12	6	6	12	6	6	12	6	6	12
Tổng số tiết		528	499	1027	528	499	1027	528	516	1044	545	499	1044

2.3. Kế hoạch thực hiện theo từng khối

(Phụ lục I: Biểu số tiết theo tuần của từng khối lớp kèm theo)

2.4. Kế hoạch giáo dục môn học/ hoạt động giáo dục chi tiết

(Phụ lục II - phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3 kèm theo).

3. Kế hoạch giáo dục STEM

Tổ chức giáo dục STEM phù hợp với đặc điểm từng cấp học, môn học và đối tượng học sinh; phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tư duy khoa học, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát huy hiệu quả phòng STEM INOVATION và hệ thống thiết bị hiện có của nhà trường.

Nội dung, hình thức thực hiện:

- Tích hợp, lồng ghép giáo dục STEM trong các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp. Tổ chức các bài học STEM, hoạt động trải nghiệm STEM, dự án khoa học – kỹ thuật theo hướng thiết thực, phù hợp lứa tuổi.

- Đẩy mạnh STEM, AI, Robotics, lập trình, thiết kế kỹ thuật và nghiên cứu khoa học đối với học sinh có năng lực, sở thích dưới dạng câu lạc bộ. Tổ chức ngày hội, triển lãm hoặc cuộc thi STEM; lựa chọn sản phẩm tiêu biểu tham gia các sân chơi, cuộc thi cấp trên.

- Chỉ đạo mỗi tổ/nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện các sản phẩm hoặc hoạt động STEM có giá trị giáo dục, không chạy theo số lượng.

4. Kế hoạch phát triển năng lực số

Hình thành và phát triển năng lực số cho học sinh; nâng cao khả năng khai thác, xử lý và đánh giá thông tin; sử dụng thiết bị và công nghệ số an toàn, có trách nhiệm, sáng tạo; từng bước hình thành khả năng thích ứng với AI.

Nội dung thực hiện:

- Tích hợp phát triển năng lực số trong các môn học và hoạt động giáo dục. Rèn kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn, xử lý và chia sẻ thông tin trên môi trường số. Hướng dẫn học sinh sử dụng Internet, mạng xã hội, công cụ AI an toàn, trung thực và có trách nhiệm.

- Khai thác học bạ số, cơ sở dữ liệu ngành, nền tảng số và học liệu số trong quản lý và dạy học. Sử dụng dữ liệu về học tập, rèn luyện, chuyên cần để phát hiện học sinh cần hỗ trợ và điều chỉnh hoạt động giáo dục.

- Khuyến khích giáo viên ứng dụng AI trong thiết kế bài dạy, xây dựng học liệu và phân tích dữ liệu nhưng bảo đảm kiểm soát chuyên môn và bảo vệ dữ liệu.

5. Kế hoạch giáo dục học sinh có khó khăn trong học tập

Phát hiện sớm, hỗ trợ kịp thời học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt; tạo cơ hội để mỗi học sinh tiến bộ phù hợp với khả năng, hạn chế tình trạng học sinh bị bỏ lại phía sau.

Nội dung thực hiện:

- Rà soát, phân loại học sinh có khó khăn ngay đầu năm học và sau từng đợt đánh giá. Phân tích nguyên nhân khó khăn về kiến thức, kỹ năng, phương pháp học tập, tâm lý, hoàn cảnh gia đình và chuyên cần.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo nhóm hoặc cá nhân; chú trọng các môn học nền tảng. Ồ chức phụ đạo, củng cố kiến thức, hướng dẫn phương pháp tự học và tăng cường hỗ trợ trong các buổi học phù hợp.

- Theo dõi sự tiến bộ của từng học sinh; điều chỉnh biện pháp hỗ trợ trên cơ sở kết quả đánh giá.

- Phối hợp giữa giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục để hỗ trợ học sinh.

6. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng lực, năng khiếu

Phát hiện, tạo môi trường và cơ hội để học sinh có năng lực, năng khiếu được phát triển phù hợp; duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, các cuộc thi và sân chơi trí tuệ, khoa học, nghệ thuật, thể thao.

Nội dung thực hiện:

- Khảo sát, phát hiện học sinh có năng lực, sở trường ngay từ đầu năm học. Thành lập và tổ chức hoạt động các đội tuyển học sinh giỏi, năng khiếu theo từng lĩnh vực. Tập trung các môn văn hóa, ngoại ngữ, Tin học, STEM, Robotics, khoa học kỹ thuật, nghệ thuật và thể thao.

- Phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm, trách nhiệm phụ trách bồi dưỡng.

- Tổ chức giao lưu, thi thử, trải nghiệm và tham gia các cuộc thi phù hợp.

- Phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc tạo điều kiện về thời gian và môi trường học tập.

7. Kế hoạch giáo dục hòa nhập

Bảo đảm quyền được học tập, tham gia và phát triển của học sinh khuyết tật; tổ chức giáo dục hòa nhập phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng học sinh.

Nội dung thực hiện:

- Rà soát, lập hồ sơ và xác định nhu cầu hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp. Điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá theo khả năng của học sinh.

- Tạo môi trường học tập thân thiện, không kỳ thị, khuyến khích học sinh hòa nhập với tập thể. Phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên, cha mẹ học sinh và các lực lượng hỗ trợ.

- Khai thác hiệu quả phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh

khuyết tật học hòa nhập tại nhà trường.

8. Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống

Hình thành cho học sinh những kỹ năng cần thiết để tự chăm sóc bản thân, giao tiếp, ứng xử, hợp tác, giải quyết vấn đề, thích ứng với môi trường học tập và cuộc sống.

Nội dung thực hiện:

- Giáo dục kỹ năng giao tiếp, ứng xử, hợp tác, tự phục vụ và tự bảo vệ. Kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước, cháy nổ, xâm hại và bạo lực học đường. Giáo dục an toàn giao thông, an toàn thực phẩm và an toàn trên môi trường mạng. Giáo dục kỹ năng quản lý cảm xúc, giải quyết mâu thuẫn và ứng phó với tình huống khó khăn.

- Tổ chức thông qua môn học, HĐTN, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động Đội và các hoạt động trải nghiệm.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội.

9. Kế hoạch tư vấn tâm lý học đường

Chủ động phòng ngừa, phát hiện và hỗ trợ kịp thời học sinh có khó khăn về tâm lý, tình cảm, học tập, quan hệ xã hội; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện.

Nội dung thực hiện:

- Rà soát, nhận diện học sinh có biểu hiện khó khăn về tâm lý, học tập hoặc quan hệ xã hội. Tổ chức tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm và tư vấn theo chuyên đề phù hợp.

- Hỗ trợ học sinh về tâm lý lứa tuổi, phương pháp học tập, quan hệ bạn bè, gia đình và định hướng tương lai. Tăng cường phòng ngừa bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và các nguy cơ mất an toàn.

- Thiết lập cơ chế phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, phụ huynh và bộ phận tư vấn.

- Bảo đảm nguyên tắc tôn trọng, bảo mật thông tin và đặt lợi ích của học sinh lên hàng đầu.

10. Kế hoạch hoạt động câu lạc bộ

Tạo môi trường để học sinh tự nguyện tham gia, phát triển sở thích, năng lực, năng khiếu; tăng cường trải nghiệm, giao lưu, hợp tác và phát huy tính sáng tạo.

Nội dung thực hiện:

- Ưu tiên các lĩnh vực: STEM – AI, Tin học, Ngoại ngữ, đọc sách, văn nghệ, thể thao, trải nghiệm, mỹ thuật và kỹ năng sống.

- Tổ chức hoạt động theo sở thích, năng lực và độ tuổi học sinh. Kết hợp sinh hoạt câu lạc bộ với trải nghiệm, hội thi, giao lưu và các sự kiện của nhà trường. Khuyến khích học sinh tham gia xây dựng nội dung và tổ chức hoạt động.

- Khai thác cơ sở vật chất, thiết bị hiện có, đặc biệt phòng STEM và các phòng học bộ môn.

11. Kế hoạch giáo dục thể chất, văn hóa, nghệ thuật, trải nghiệm

Phát triển toàn diện thể chất, thẩm mỹ, đời sống văn hóa và tinh thần cho học sinh; xây dựng môi trường học đường năng động, lành mạnh và giàu bản sắc.

Nội dung thực hiện:

- Thực hiện đầy đủ chương trình Giáo dục thể chất và các hoạt động vận động

phù hợp.

- Tổ chức luyện tập, giao lưu và thi đấu các môn thể thao phù hợp với điều kiện nhà trường. Phát triển các hoạt động bóng đá, cầu lông, bóng rổ, Pickleball và các môn thể thao phù hợp.

- Tổ chức hoạt động văn nghệ, âm nhạc, mỹ thuật, ngày hội văn hóa và các hoạt động nghệ thuật. Giáo dục học sinh giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương, truyền thống dân tộc và văn hóa ứng xử học đường.

- Khai thác hiệu quả sân chơi, nhà thi đấu đa năng và các khu thể dục thể thao của trường chính. Nhà trường hiện có nhà thi đấu đa năng, sân cầu lông, khu Pickleball và sân bóng đá. Tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ theo hướng thiết thực, an toàn, tự nguyện, phù hợp lứa tuổi, không gây áp lực cho học sinh.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về đội ngũ

Rà soát, phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường, vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện chương trình THCS.

Tăng cường bồi dưỡng giáo viên về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, STEM, chuyển đổi số, AI, giáo dục hòa nhập và tư vấn học sinh. Phát huy vai trò giáo viên cốt cán, giáo viên có năng lực về STEM, công nghệ, ngoại ngữ và các môn học trong hỗ trợ đồng nghiệp.

Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, phân tích kết quả học sinh và giải quyết vấn đề thực tiễn.

Xây dựng tinh thần phối hợp, chia sẻ trách nhiệm giữa đội ngũ tại trụ sở chính và phân hiệu.

2. Giải pháp về chuyên môn

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, linh hoạt Chương trình GDPT 2018; bảo đảm đúng yêu cầu cần đạt và phù hợp đối tượng học sinh. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; tăng cường dạy học phân hóa, cá thể hóa và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh dạy học.

Tổ chức hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày; ưu tiên củng cố kiến thức, phụ đạo học sinh chưa đạt, bồi dưỡng học sinh có năng lực và tổ chức các hoạt động STEM, trải nghiệm, kỹ năng. Tăng cường STEM, nghiên cứu khoa học, AI, Robotics, ngoại ngữ, hướng nghiệp và giáo dục kỹ năng sống.

3. Giải pháp về học sinh

Nắm chắc hoàn cảnh, năng lực, kết quả học tập, rèn luyện và mức độ chuyên cần của từng học sinh. Phân loại học sinh để có biện pháp hỗ trợ, phụ đạo, bồi dưỡng phù hợp. Phát hiện sớm học sinh có nguy cơ học tập sa sút, nghỉ học, vi phạm nội quy hoặc gặp khó khăn tâm lý để can thiệp kịp thời.

Tạo môi trường để học sinh chủ động học tập, sáng tạo, nghiên cứu, trải nghiệm và phát triển năng khiếu. Phát huy vai trò tự quản, tự học, trách nhiệm và ý thức chấp hành kỷ luật của học sinh.

4. Giải pháp về cơ sở vật chất

Khai thác tối đa phòng học bộ môn, phòng Tin học, phòng STEM, thư viện, thiết bị dạy học và khu thể thao hiện có. Xây dựng kế hoạch sử dụng cơ sở vật chất

thống nhất, khoa học giữa trụ sở chính và phân hiệu.

Rà soát, sửa chữa, bổ sung các hạng mục còn thiếu tại phân hiệu, ưu tiên thiết bị phục vụ trực tiếp cho dạy học và hoạt động giáo dục. Quản lý, bảo quản và sử dụng thiết bị đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Ưu tiên nguồn lực cho STEM, chuyển đổi số, an toàn trường học và hoạt động thể chất.

5. Giải pháp về chuyển đổi số

Cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu học sinh, đội ngũ và kết quả giáo dục trên cơ sở dữ liệu ngành. Khai thác hiệu quả học bạ số, học liệu số và các nền tảng phục vụ quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá. Sử dụng dữ liệu học tập, rèn luyện và chuyên cần để phân tích chất lượng và phát hiện học sinh cần hỗ trợ.

Phát triển năng lực số cho giáo viên và học sinh; giáo dục sử dụng Internet, công nghệ số và AI an toàn, có trách nhiệm. Khuyến khích ứng dụng AI trong dạy học và quản lý nhưng phải bảo đảm kiểm soát chuyên môn, tính chính xác và bảo vệ dữ liệu.

6. Giải pháp phối hợp gia đình – nhà trường – xã hội

Duy trì trao đổi thường xuyên giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh về học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh. Phối hợp hỗ trợ học sinh có khó khăn trong học tập, hoàn cảnh gia đình hoặc vấn đề tâm lý. Phối hợp giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường và an toàn trên môi trường mạng.

Huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong các hoạt động giáo dục phù hợp. Phát huy vai trò của địa phương trong xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

7. Giải pháp kiểm tra, giám sát

Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất khi cần thiết; tập trung vào chất lượng thực chất và việc thực hiện chương trình. Chuyển mạnh từ kiểm tra hồ sơ sang kiểm tra hoạt động thực tế, kết quả đầu ra và sự tiến bộ của học sinh.

Sử dụng dữ liệu để phân tích chất lượng, chuyên cần, kết quả đánh giá và hiệu quả các biện pháp hỗ trợ. Thực hiện quản trị theo nguyên tắc “06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”. Kịp thời phát hiện hạn chế, xác định nguyên nhân, giao trách nhiệm và theo dõi việc khắc phục.

8. Giải pháp huy động nguồn lực

Sử dụng hiệu quả ngân sách được giao, bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch. Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ trực tiếp nâng cao chất lượng giáo dục. Khai thác nguồn lực xã hội hóa theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, đúng quy định và không gây áp lực cho học sinh, cha mẹ học sinh. Huy động nguồn lực chuyên môn, công nghệ, khoa học, văn hóa, thể thao từ cộng đồng để hỗ trợ các hoạt động giáo dục. Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ những lĩnh vực tạo giá trị gia tăng cho chất lượng giáo dục như STEM, AI, Robotics, chuyển đổi số, thư viện và thể thao.

V. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung kiểm tra, đánh giá

1.1. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục

Kiểm tra việc thực hiện Chương trình GDPT 2018, kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục và tiến độ thực hiện chương trình. Kiểm tra việc thực hiện thời khóa biểu, dạy học 2 buổi/ngày, các hoạt động phụ đạo, bồi dưỡng, STEM,

trải nghiệm, hướng nghiệp và giáo dục kỹ năng sống. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan.

1.2. Kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT

Thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh THCS theo đúng quy định tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; bảo đảm đánh giá chính xác, công bằng, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh và phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018.

Tập trung thực hiện:

- Đánh giá thường xuyên thông qua các hình thức phù hợp như hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập; lựa chọn hình thức và thời điểm đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học.
- Đánh giá định kỳ theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; bảo đảm nội dung đánh giá phù hợp yêu cầu cần đạt và mức độ phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
- Thực hiện đúng quy định về đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với từng môn học; bảo đảm số lần, thời điểm và hình thức đánh giá theo quy định.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; hạn chế học thuộc máy móc, tăng cường đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, giải quyết vấn đề và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng ma trận, đặc tả, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm và đáp án đối với các bài kiểm tra định kỳ theo yêu cầu chuyên môn. Bảo đảm tính bảo mật, khách quan trong ra đề, coi, chấm, trả bài và nhập kết quả đánh giá.
- Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá theo từng lớp, môn học, khối lớp và nhóm học sinh; xác định nguyên nhân của những hạn chế để điều chỉnh hoạt động dạy học.

Sử dụng kết quả đánh giá để phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh có năng lực và điều chỉnh phương pháp dạy học. Quan tâm đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh, nhất là học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật học hòa nhập và học sinh có nguy cơ chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt.

1.3. Kiểm tra việc sử dụng dữ liệu đánh giá

Đối chiếu kết quả đánh giá thường xuyên, định kỳ với kết quả học tập và rèn luyện của học sinh. Khai thác dữ liệu trên hệ thống quản lý và học bạ số để theo dõi sự tiến bộ của học sinh. Sử dụng dữ liệu đánh giá làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch dạy học, phân công giáo viên, tổ chức phụ đạo, bồi dưỡng và các giải pháp nâng cao chất lượng.

2. Người chịu trách nhiệm

Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm chung về công tác kiểm tra, đánh giá và chất lượng giáo dục. Phê duyệt kế hoạch kiểm tra, đánh giá; chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT.

Phó Hiệu trưởng phụ trách THCS: Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra hoạt động đánh giá học sinh. Theo dõi kết quả từng môn học, khối lớp; chỉ đạo phân tích dữ liệu và điều chỉnh chuyên môn.

Tổ trưởng chuyên môn: Tổ chức thống nhất nội dung, phương pháp kiểm tra

đánh giá trong tổ. Kiểm tra việc thực hiện quy định đánh giá của giáo viên. Phân tích kết quả và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng.

Giáo viên: Thực hiện đầy đủ, chính xác việc đánh giá thường xuyên, định kỳ theo quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan của kết quả đánh giá học sinh. Sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh dạy học và hỗ trợ học sinh.

3. Chế độ báo cáo

Giáo viên báo cáo kết quả đánh giá và những trường hợp học sinh cần hỗ trợ cho tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và Ban Giám hiệu theo quy định. Tổ chuyên môn định kỳ phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá và báo cáo Ban Giám hiệu. Ban Giám hiệu tổng hợp, phân tích chất lượng theo từng khối lớp, môn học và nhóm đối tượng.

4. Điều chỉnh kế hoạch

Căn cứ kết quả kiểm tra, đánh giá và tình hình thực tế, nhà trường thực hiện điều chỉnh khi cần thiết.

Việc điều chỉnh tập trung vào: Nội dung, tiến độ và phương pháp dạy học. Phân nhóm và tổ chức hỗ trợ học sinh. Kế hoạch phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng lực. Phân công chuyên môn và tổ chức các hoạt động giáo dục. Giải pháp nâng cao chất lượng đối với những môn, lớp hoặc nhóm học sinh có kết quả thấp.

Mọi điều chỉnh phải dựa trên minh chứng và dữ liệu thực tế, bảo đảm không làm thay đổi yêu cầu cần đạt của chương trình; xác định rõ người thực hiện, nội dung, thời gian và kết quả cần đạt.

PHẦN THỨ V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm toàn diện về xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục. Phân công nhiệm vụ, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra và đánh giá kết quả. Quyết định các giải pháp điều chỉnh khi cần thiết. Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục, sử dụng nguồn lực và thực hiện chế độ báo cáo.

2. Phó Hiệu trưởng

Giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện kế hoạch theo lĩnh vực được phân công. Chỉ đạo chuyên môn, thời khóa biểu, kiểm tra đánh giá, dạy học 2 buổi/ngày và các hoạt động giáo dục, hoạt động bán trú, nội trú, nuôi dưỡng. Theo dõi chất lượng từng khối lớp, từng môn học; kịp thời đề xuất giải pháp. Phối hợp chỉ đạo hoạt động chuyên môn giữa 2 cấp.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của tổ phù hợp kế hoạch nhà trường. Phân công giáo viên, tổ chức sinh hoạt chuyên môn và kiểm tra tiến độ thực hiện chương trình. Phân tích kết quả học tập của học sinh, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng. Chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu về chất lượng và tiến độ thực hiện nhiệm vụ của tổ.

4. Giáo viên

Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giáo dục và nhiệm vụ được phân công. Chủ động đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá và ứng dụng công nghệ. Theo dõi sự tiến bộ của học sinh; thực hiện phụ đạo, bồi dưỡng và hỗ trợ học

sinh theo nhu cầu. Tham gia đầy đủ sinh hoạt chuyên môn, STEM, chuyển đổi số, tư vấn, hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục khác.

5. Nhân viên

Thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm, bảo đảm phục vụ hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục. Quản lý, bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, y tế và các điều kiện phục vụ học sinh. Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của Trường Phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Yên năm học 2026-2027. Yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (B/c);
- Phòng VH-XH xã (B/c);
- Tổ chuyên môn; tổ VP;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Phúc

PHỤ LỤC I
SỐ TIẾT THEO TUẦN

1. Số tiết theo tuần – Khối lớp 6

Tuần/HK		HỌC KỲ I																		Tổng HKI	HỌC KỲ II																		Tổng HKII
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35		
Môn	Số tiết	36	36	36	36	36	38	36	36	36	36	36	38	36	38	36	36	36	36		36	36	38	38	36	36	36	36	36	36	38	36	36	36	36	36	36	36	
Toán	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
Văn	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
KH TN	Tổng	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68		
	Lý	52	0	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	28	1	1	1	1	1	2	1	2	1	1	1	2	1	2	2	2	2	24	
	Hóa	34	4	2	0	0	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	0	0	0	18	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	0	16	
	Sinh	54	0	0	2	2	1	1	1	1	0	2	2	2	2	2	2	2	2	26	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	0	1	1	2	28	
LS &DL	Tổng	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51		
	Sử	53	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	27	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	26	
	Địa	52	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	27	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	1	25		
TA	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51		
CN	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Tin	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
GDCD	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Nghệ thuật	AN	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
	MT	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
GDTC	70	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34		
TNST&HN	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51		
GD địa phương	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Trí tuệ nhân tạo	12						2						2		2				6			2	2						2							6			

2. Số tiết theo tuần – Khối lớp 7

Tuần/HK		HỌC KỲ I																		Tổng HKI	HỌC KỲ II																		Tổng HKII
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35		
Môn	Số tiết	36	36	36	36	36	38	38	38	36	36	36	36	36	36	36	36	36	36	72	36	36	36	36	38	38	36	36	36	38	36	36	36	36	36	36	68		
Toán	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68			
Văn	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68			
KH TN	Tổng	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68			
	Lý	52	3	0	0	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	0	18	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34			
	Hóa	35	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	18	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	0	1	1	1	17		
	Sinh	53	1	3	3	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	3	36	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	2	1	1	1	17	
LS &ĐL	Tổng	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51			
	Sử	53	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	27	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	26	
	Địa	52	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	27	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	25	
TA	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51			
CN	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Tin	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
GDCD	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Nghệ thuật	AN	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
	MT	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
GDTC	70	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34		
TNST&HN	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51		
GD địa phương	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Trí tuệ nhân tạo	12						2	2	2										6						2	2				2						6			

3. Số tiết theo tuần – Khối lớp 8

Tuần/HK		HỌC KỲ I																		Tổng HKI	HỌC KỲ II																Tổng HKII	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34		35
Môn	Số tiết	36	36	36	36	36	36	38	36	36	38	36	36	36	38	36	36	36	36	36	36	36	36	38	38	36	36	36	36	38	36	36	36	36	36	36		
Toán	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68		
Văn	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68		
KH TN	Tổng	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68		
	Lý	52	3	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	27	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	25	
	Hóa	41	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	2	2	21	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	20	
	Sinh	47	0	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	24	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	23	
LS &ĐL	Tổng	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51		
	Sử	53	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	27	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	26
	Địa	52	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	27	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	1	25	
TA	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51		
CN	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Tin	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
GDCD	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Nghệ thuật	AN	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
	MT	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
GDTC	70	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34		
TNST&HN	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51		
GD địa phương	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17		
Trí tuệ nhân tạo	12							2			2				2				6					2	2				2						6			

4. Số tiết theo tuần – Khối lớp 9

Tuần/HK		HỌC KỲ I																		Tổng HKI	HỌC KỲ II																Tổng HKII
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
Môn	Số tiết	36	36	36	36	38	38	36	36	36	36	36	36	38	36	36	36	36	36	36	36	36	36	38	38	36	36	36	36	38	36	36	36	36	36	36	
Toán	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
Văn	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
KH TN	Tổng	140	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68	
	Lý	52	3	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	27	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	2	2	2	2	25	
	Hóa	53	0	2	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	27	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	26	
	Sinh	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	0	1	2	1	1	1	1	1	1	17	
LS &ĐL	Tổng	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51	
	Sử	53	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	2	2	2	2	2	1	27	1	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	26
	Địa	52	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	27	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	25
TA	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51	
CN	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
Tin	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
GDCD	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
Nghệ thuật	AN	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
	MT	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
GD Thể chất	70	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34	
TNST&HN	105	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51	
GD địa phương	35	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
Trí tuệ nhân tạo	12					2	2							2					6						2	2				2						6	

PHỤ LỤC II
Phụ lục I, II, II các môn

TT	Môn	Phụ lục	Đường link liên kết	Mã QR
1	Toán 6,7,8,9	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		
2	Ngữ Văn 6	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		
3	Ngữ Văn 7	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		
4	Ngữ Văn 8	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		
5	Ngữ Văn 9	Phụ lục I		
		Phụ lục II		

		Phụ lục III		
6	Khoa học tự nhiên 6,7,8,9	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		
7	LS&ĐL Phân môn Sử Lớp 6	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		
8	LS&ĐL Phân môn Sử Lớp 7	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		
9	LS&ĐL Phân môn Sử Lớp 8	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		

11	LS&ĐL Phân môn Địa lý 6,7,8,9	Phụ lục I		
		Phụ lục II		
		Phụ lục III		

